

LỜI MỞ ĐẦU

Quản trị tài chính có vai trò rất quan trọng và có phạm vi rất rộng lớn, hiện hữu trong tất cả mọi hoạt động của doanh nghiệp và hạch toán kế toán là bộ phận quan trọng của hệ thống quản trị tài chính, nó có vai trò tích cực trong việc điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế góp phần tích cực vào việc quản lý tài chính của nhà nước nói riêng và quản lý doanh nghiệp nói chung vì nó giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra quyết định nhanh chóng và hợp lý nhất đảm bảo cho sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển bền vững.

Trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh kết quả tiêu thụ, ghi nhận doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp đầy đủ và kịp thời góp phần đẩy tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất, kinh doanh. Việc ghi chép chính xác nghiệp vụ kinh tế này có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình thực hiện tài chính doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ ý nghĩa quan trọng đó cùng với sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của giảng viên Thạc sỹ Trần Thị Thanh Thảo em đã nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần FORD Hải Phòng”**. Luận văn của em gồm 3 phần:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, thu nhập và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần FORD Hải Phòng.

Chương 3: Một số nhận xét, kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty cổ phần Ford Hải Phòng.

Với mong muốn được củng cố, hoàn thiện và ngày càng nâng cao trình độ nghiệp vụ về kế toán, em rất mong được sự xem xét, chỉ bảo, tham gia góp ý kiến của các quý thầy cô nhằm giúp cho luận văn này đạt kết quả tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ
KINH DOANH VÀ KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG
DOANH NGHIỆP****1.1. Vài nét về kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh:****1.1.1. Doanh thu:****1.1.1.1. Khái niệm:**

Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu (Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14)

1.1.1.2. Các loại doanh thu, các phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu:

* **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Phản ánh doanh thu bán hàng của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong mỗi kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14- Ban hành và công bố theo quyết định số 149/ QĐ- BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng bộ tài chính: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đó chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đó thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu được quy định khác nhau:

- Với phương thức bán hàng qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm ghi nhận doanh thu là:

+ Bên mua đã nhận hàng, ký xác nhận vào hóa đơn đã nhận đủ hàng.

+ Bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.

- Bán hàng theo phương thức giao thẳng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là: doanh nghiệp mua hàng và người cung cấp hàng bán thẳng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp. Nghiệp vụ mua bán xảy ra đồng thời. Phương thức này chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại

- Với phương thức bán lẻ hàng hoá thì thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm ghi nhận báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng, doanh nghiệp bán các sản phẩm, hàng hóa trực tiếp cho người tiêu dùng và thu tiền ngay.

- Với phương thức đại lý ký gửi: Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm hàng hóa gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi trả chậm theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp.

* **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

* **Doanh thu hoạt động tài chính:** Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận chưa chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Cụ thể: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán

chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

Thu nhập khác: Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu khó đòi xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

1.1.1.3. Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp

Trong điều kiện kinh doanh hôm nay, để đẩy mạnh bán ra thu hồi nhanh chóng tiền bán hàng, doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng. Nếu khách hàng mua với khối lượng hàng hoá lớn sẽ được doanh nghiệp giảm giá, nếu khách hàng thanh toán sớm tiền hàng sẽ được doanh nghiệp chiết khấu, còn nếu hàng hoá doanh nghiệp kém phẩm chất thì khách hàng có thể không chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá. Các khoản trên sẽ làm giảm doanh thu.

*** Chiết khấu thương mại:**

- Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng.

- Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán

* **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận trên giá đã thoả thuận trong hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách ... đã ghi trong hợp đồng.

* **Giá trị hàng bán bị trả lại**

- Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

- Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

* **Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng (GTGT) tính theo phương pháp trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hoá đó tiêu thụ, giá tính thuế và thuế xuất của từng mặt hàng.

Trong đó:

- Thuế TTĐB: là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng. Số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp bằng thuế suất nhân với doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh.

- Thuế xuất khẩu: là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp bằng thuế suất nhân với doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh. Trong doanh thu hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đó được xác định trong kỳ.

Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu về hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.

1.1.2. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.2.1. Khái niệm: Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định.

1.1.2.2. Các loại chi phí:

* **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

* **Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí bán hàng: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

+ Chi phí nhân viên bán hàng: Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,... Bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...

+ Chi phí vật liệu, bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như chi phí đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định... dùng cho bộ phận bán hàng.

+ Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định: Phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng,...

+ Chi phí bảo hành sản phẩm: Phản ánh các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí bảo hành, sửa chữa công trình xây lắp được phản ánh vào chi phí sản xuất chung, không phản ánh vào chi phí bán hàng.

- + Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu...
- + Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí hội nghị khách hàng, vé cầu phà, chi cho KH.
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp(CPQLDN): Là một loại chi phí thời kỳ được tính khi hạch toán lợi tức thường. CPQLDN bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung cho toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung gồm:
 - + Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp(tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng ban của doanh nghiệp.
 - + Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý của doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ,...(Giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT)
 - + Khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý dùng trên văn phòng...
 - + Thuế, phí và lệ phí: Các chi phí về thuế, phí và lệ phí như tiền thuê đất, thuế môn bài, chi phí bằng tiền khác....
 - + Chi phí dự phòng: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
 - + Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác QLDN, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế...(Không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào CPQLDN, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

+ Chi phí bằng tiền khác; Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

* **Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ....

* **Chi phí khác:** Phản ánh những khoản phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Bao gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định (nếu có), chênh lệch do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế, các khoản chi phí khác....

* **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Bao gồm: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

- + Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm
- + Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Lợi nhuận ròng hay lãi ròng): là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.
- + Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- + Kết quả hoạt động tài chính; Là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.
- + Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu, số lượng, chủng loại và giá trị.
- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp để cuối kỳ tập hợp doanh thu, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng
- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.
- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập báo cáo.

- Phản ánh chính xác kết quả của từng hoạt động giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.
- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như hàng đang đi đường, hàng tồn kho, hàng gửi bán,...
- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ và thanh toán chi tiết theo từng loại hàng hóa, từng hợp đồng kinh tế.
- Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

1.3. Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.3.1. Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

1.3.1.1. Kế toán doanh thu

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn giá trị gia tăng; hoá đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Thẻ thanh toán hàng đại lý, ký gửi;
- Thẻ quầy hàng;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng;
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu xuất kho....

*** Tài khoản sử dụng.**

- ***Tài khoản 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”***

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 511:

Bên nợ:

- + Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- + Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.
- + Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- + Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ
- + Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
- + Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 có 5 tiểu khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- + Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- + Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản
- ***Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”***

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ của doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá nội bộ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 512

Bên nợ:

- + Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;
- + Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ;
- + Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- + Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có: Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

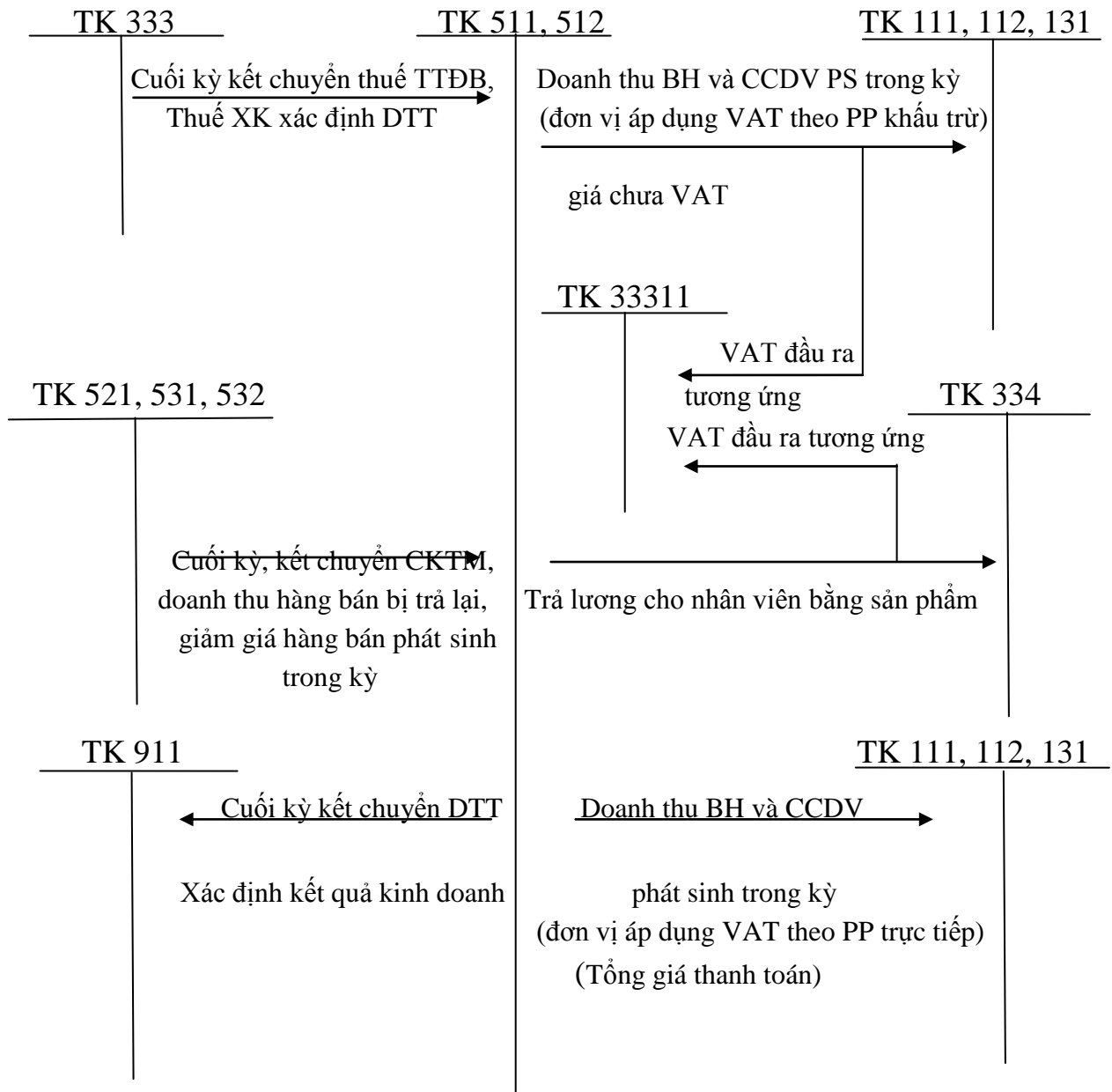
Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hoá.
- + Tài khoản 5122: Doanh thu bán các thành phẩm;
- + Tài khoản 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ;

*** *Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu nội bộ được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu nội bộ



1.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

*** Chứng từ sử dụng.**

- Hoá đơn giá trị gia tăng; hoá đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng;
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại ...

*** Tài khoản sử dụng**

- **Tài khoản 521 “chiết khấu thương mại”(CKTM):** Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Bên nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;

Bên có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư

- **Tài khoản 531 “hàng bán bị trả lại”:** Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách

Bên nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm.

Bên có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 hoặc tài khoản 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 532 “giảm giá hàng bán”:** Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Bên nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng, do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế

Bên có: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 hoặc tài khoản 512;

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

- Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt và kế toán xuất nhập khẩu. Sử dụng các tài khoản sau:

+ Tài khoản 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt;

+ Tài khoản 3333: Thuế xuất, nhập khẩu;

* ***Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu;***

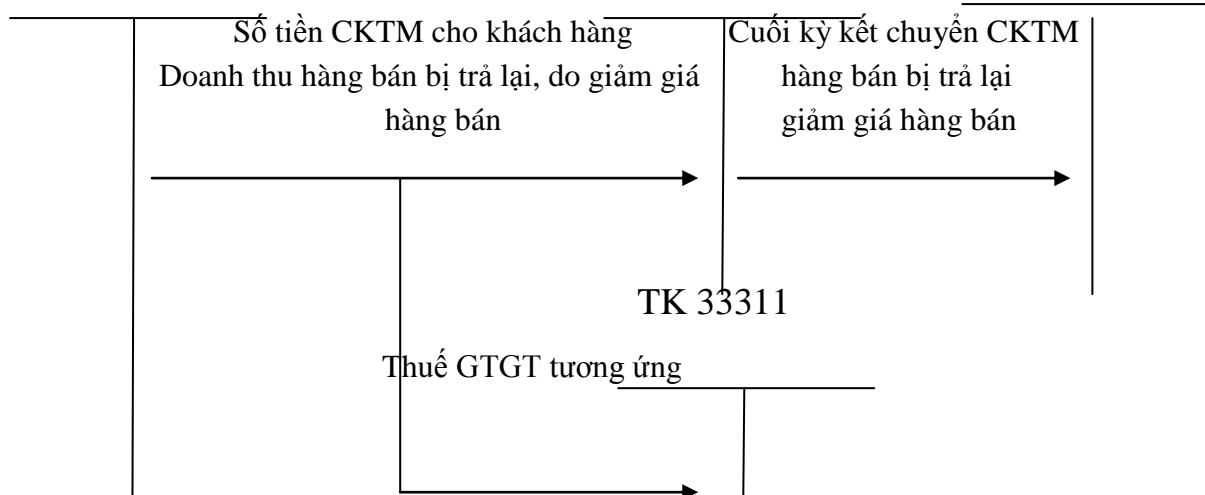
Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.2 như sau:

Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 111, 112, 131

TK 521, 531, 532

TK 511, 512



1.3.2. Kế toán chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

1.3.2.1. Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán:

Mỗi khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì đồng thời kế toán ghi nhận một khoản chi phí tương ứng đó chính là giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là số thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc bao gồm cả chi phí mua hàng, phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ – đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ **Phương pháp tính giá vốn hàng bán**

Trong mỗi doanh nghiệp hàng tồn kho đều được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau. Vì vậy việc lựa chọn phương pháp xuất kho.. sẽ phụ thuộc vào đặc điểm của hàng tồn kho, yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp.

Để tính trị giá xuất kho...sẽ phụ thuộc vào đặc điểm của hàng tồn kho, yêu cầu và trình độ quản lý doanh nghiệp.

Để tính trị giá xuất kho, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong những phương pháp sau:

• **Phương pháp bình quân gia quyền**

- *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:*

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP,HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP,HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu} + \text{số lượng SP,HH nhập trong kỳ}}$$

Đây là phương pháp khá đơn giản, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kì. Tuy nhiên phương pháp này có nhược điểm lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kì ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa phương pháp này chưa đáp ứng kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:*

Đơn giá = $\frac{\text{Trị giá thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$

Phương pháp này khắc phục được hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. do đặc điểm trên này mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

• **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)**

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng còn lại cuối kì là hàng được mua hoặc được sản xuất ở thời điểm cuối kì. Theo FIFO thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kì hoặc gần đầu kì, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kì còn tồn kho.

Phương pháp này giúp chúng ta có thể tính ngay giá trị vốn hàng xuất kho cho từng lần xuất hàng. Đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như giúp cho việc quản lí. Nhược điểm là doanh thu hiện tại không phù hợp với khoản chi phí hiện tại.

Phương pháp này phù hợp với giá cả thị trường ổn định hoặc có xu hướng giảm.

• **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**

LIFO giả định hàng mua sau cùng sẽ được xuất trước, xuất hết số nhập sau mới xuất đến số nhập trước. ngược lại với FIFO, phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát.

• **Phương pháp thực tế đích danh:**

Khi xuất kho SP,HH thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó để tính giá vốn của SP,HH xuất bán.

Đây là phương pháp tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Phương pháp này thích hợp với những hàng hóa có giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

* *Chứng từ sử dụng:*

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất hàng hoá đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định. Những chứng từ này có cơ sở pháp lý để tiến hành hạch toán nhập, xuất kho hàng, là cơ sở của việc kiểm tra tính cần thiết và hợp lý của chứng từ. Các chứng từ chủ yếu được sử dụng là:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03- VT)
- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 01 GTGT- 322)

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hoá kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hoá, đồng thời là cơ sở vào sổ chi tiết hàng hoá. Khi bán hàng, cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua tài khoản 632. Cuối tháng, kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng bảng tổng hợp hàng hoá để lập báo cáo bán hàng

*** Tài khoản sử dụng:**

a. Theo phương pháp kê khai thường xuyên:

- Nội dung kết cấu của tài khoản

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”: Là giá trị phản ánh số giá trị vốn của hàng hoá xuất bán trong kỳ

- Kết cấu nội dung tài khoản 632:

Bên nợ:

- + Tập hợp giá trị vốn của thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.
- + Các khoản khác được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

Bên có:

- + Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ;
- + Kết chuyển giá vốn hàng hoá vào bên nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- + Kết chuyển giá vốn của hàng gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ

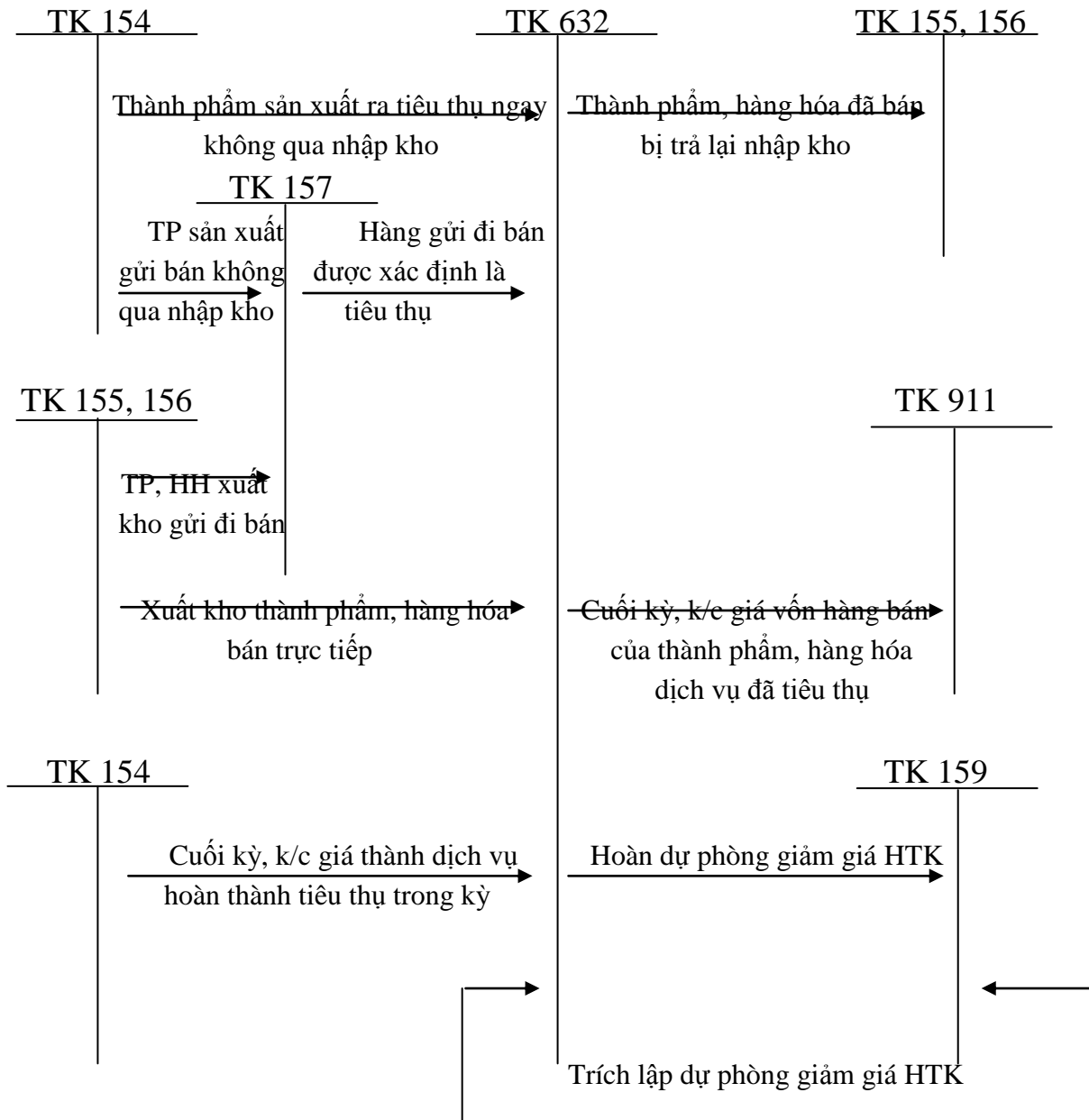
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)

Tài khoản 632 không có số dư

- Các tài khoản khác liên quan: Tài khoản 155, 156, 157, 159, 911
- Trình tự hạch toán:

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.3 như sau:

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



b. Theo phương pháp kiểm kê định kỳ

- Nội dung kết cấu tài khoản sử dụng

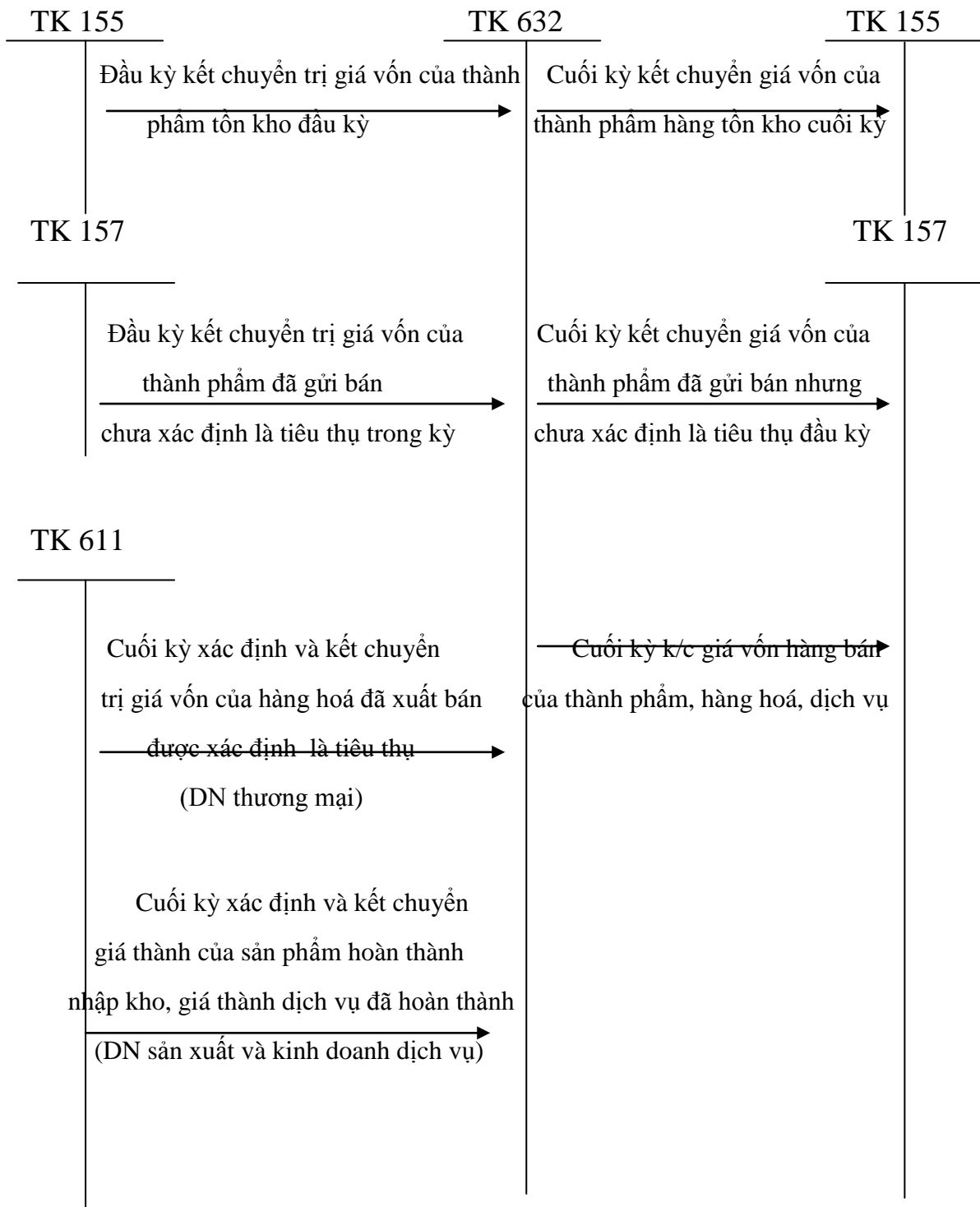
Tài khoản 611 “mua hàng”: tài khoản này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hoá tăng giảm trong kỳ. Tài khoản 611 có 2 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6111: mua nguyên vật liệu
 - + Tài khoản 6112: mua hàng hoá;
- Tài khoản 631: “giá thành sản xuất”.

- Trình tự hạch toán:

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3.2.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

*** Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11-LĐTL);
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ (Mẫu số 07-VT);
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT-3LL);
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng;

Hàng ngày, dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán tiến hành ghi vào các sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 641, 642...phụ thuộc vào doanh nghiệp áp dụng theo từng hình thức kế toán. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trừ vào thu nhập để tính lợi nhuận về tiêu thụ trong kỳ. Trường hợp chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ lớn hơn trong khi doanh thu kỳ này nhỏ hơn hoặc chưa có thì chi phí bán hàng được tạm thời kết chuyển vào tài khoản 142(1422 “chi phí chờ kết chuyển” số này sẽ được kết chuyển một lần hoặc nhiều lần ở các kỳ sau có doanh thu.

*** Tài khoản sử dụng và nội dung kết cấu tài khoản 641**

Bên nợ: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá dịch vụ

Bên có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư và gồm có 7 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên;
- + Tài khoản 6412: Chi phí vật liệu bao bì;
- + Tài khoản 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng;
- + Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định;
- + Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành;
- + Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- + Tài khoản 6418; Chi phí bằng tiền khác

*** Tài khoản sử dụng và nội dung kết cấu tài khoản 642:**

Bên nợ:

- + Tập hợp toàn bộ chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ kế toán

- + Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- + Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Bên có:

- + Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả;
- + Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

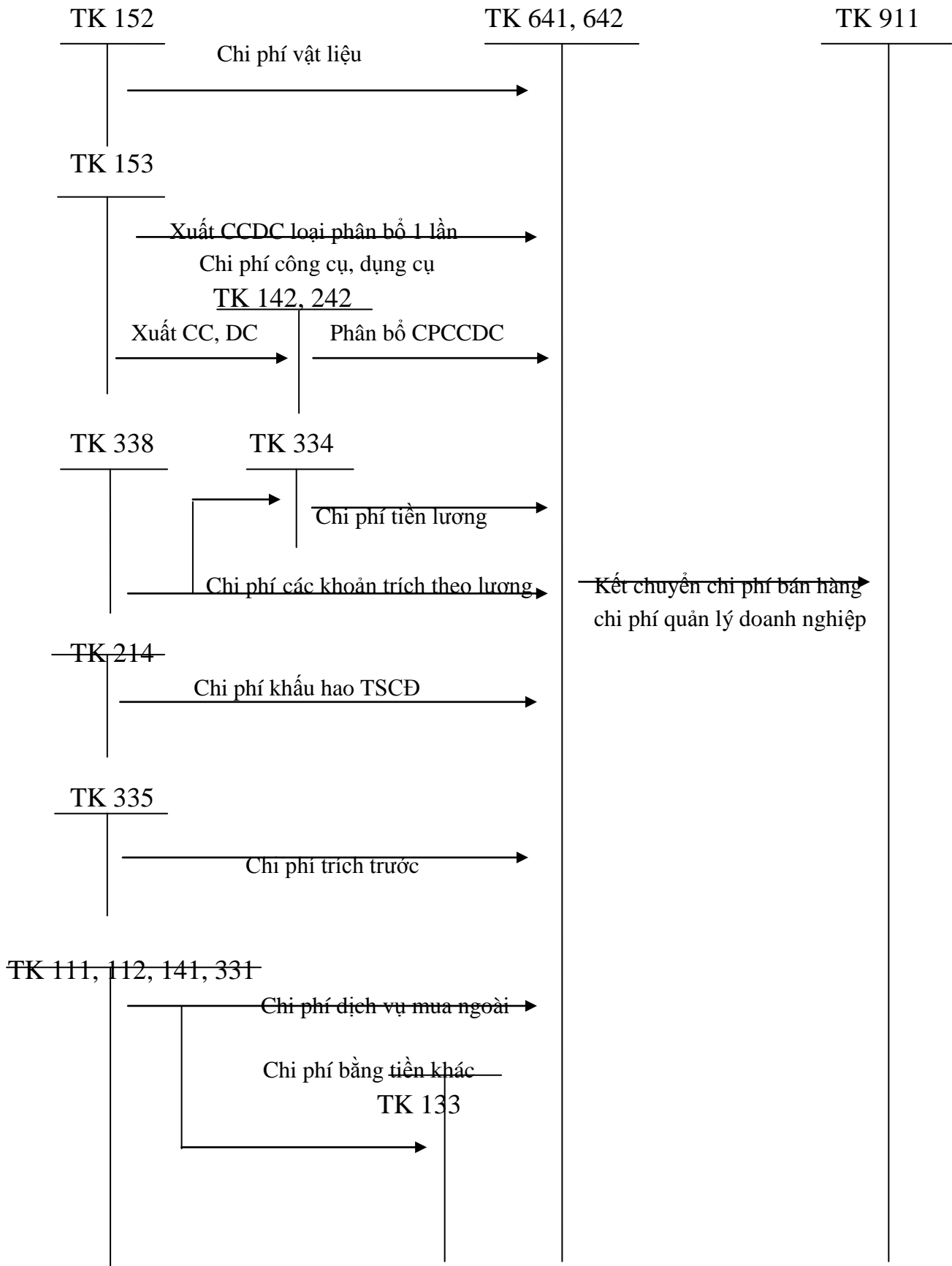
Tài khoản 642 không có số dư và gồm có 8 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý;
- + Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý;
- + Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng;
- + Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định;
- + Tài khoản 6425: Thuế, phí và lệ phí;
- + Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng;
- + Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- + Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác;

*** Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:

Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.3. Doanh thu tài chính và chi phí tài chính

* **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo Có, báo Nợ của ngân hàng;
- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Các hợp đồng vay vốn;
- Các chứng từ liên quan khác;

* **Tài khoản sử dụng**

- **Tài khoản 515(Doanh thu tài chính):** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Nội dung kết cấu tài khoản 515:**

Bên nợ:

- + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- + Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- + Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- + Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- + Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ;

Tài khoản 515 không có số dư;

- **Tài khoản 635(Chi phí tài chính):** tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

- **Nội dung kết cấu tài khoản 635:**

Bên nợ:

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- + Lỗ bán ngoại tệ;
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- + Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- + Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;

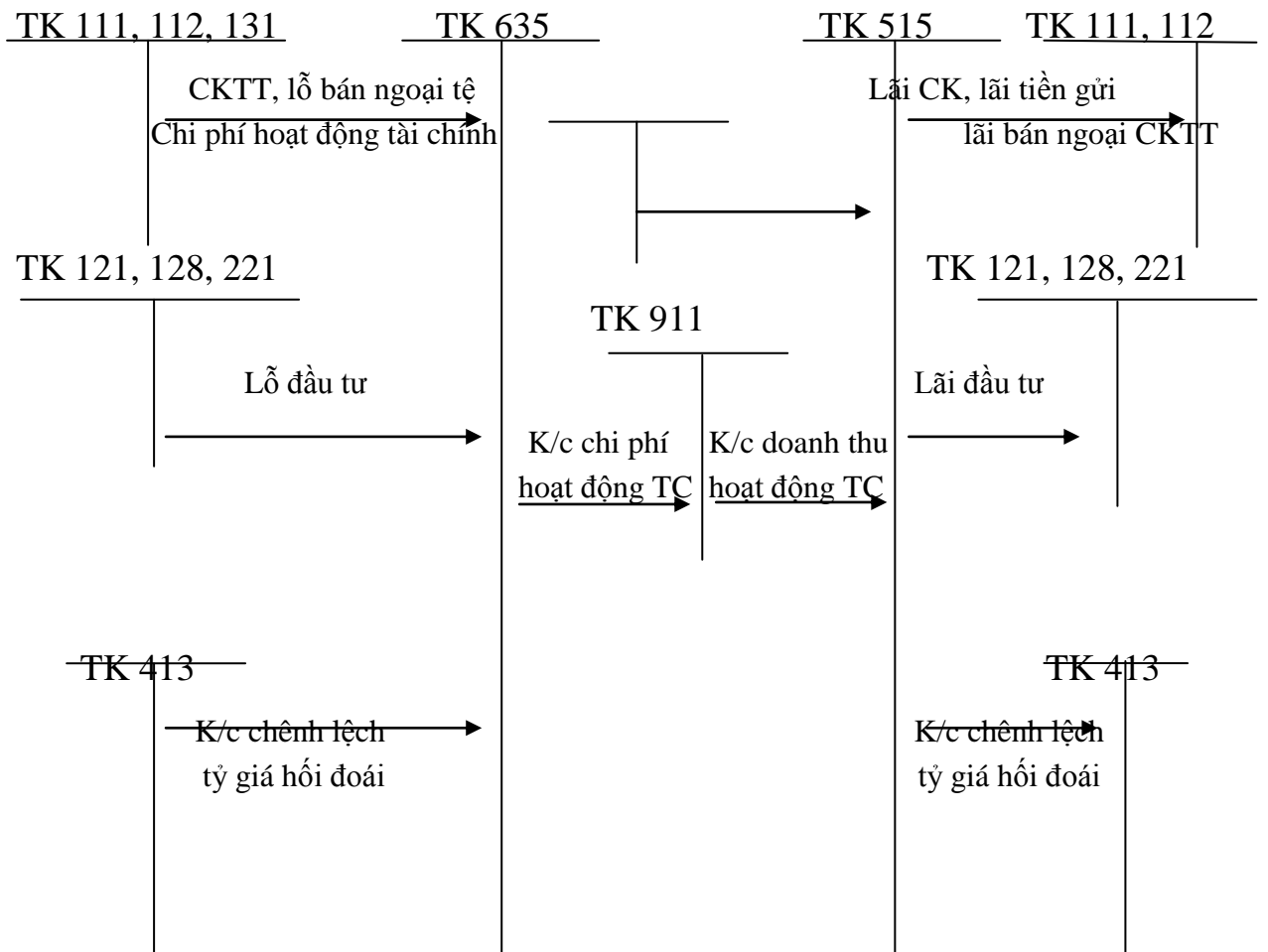
Bên có:

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh;

*** Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.6 như sau:

Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính



1.3.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

* Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng;
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế...

* Tài khoản sử dụng

- *Tài khoản 711(Thu nhập khác)*

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 711

Bên nợ:

- + Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- + Cuối kỳ kế toán quyết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- + Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

- *Tài khoản 811(Chi phí khác): Nội dung kết cấu tài khoản 811*

Bên nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

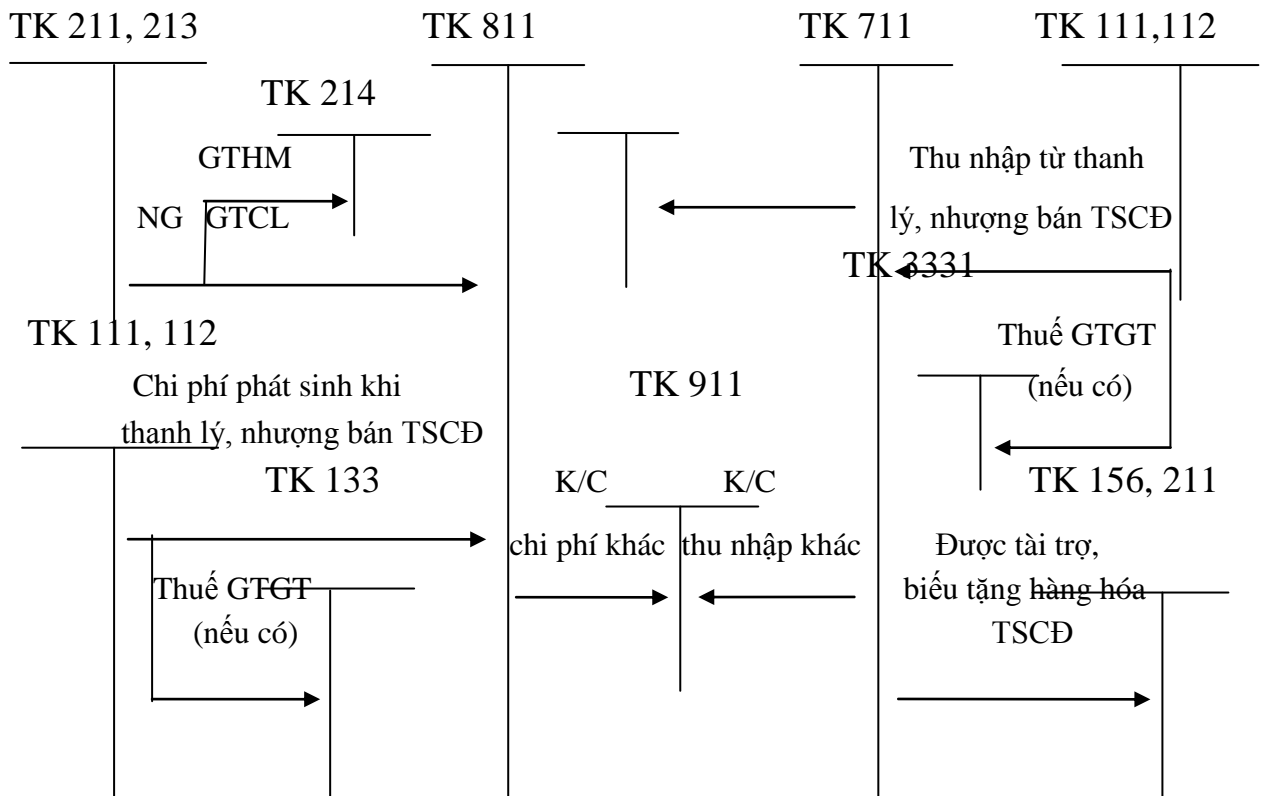
Bên có: Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

* Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập và chi phí hoạt động khác được thể hiện qua sơ đồ 1.7 như sau:

Sơ đồ 1.7: Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động khác



1.3.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán.

*** Tài khoản sử dụng**

- **Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”:** Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- **Nội dung kết cấu tài khoản 911.**

Bên nợ:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- + Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- + Kết chuyển lãi;

Bên có:

- + Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Kết chuyển lỗ;

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

- **Cách xác định kết quả hoạt động kinh doanh:**

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về bán} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} &= \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp} - \text{Chi phí bán hàng} \end{aligned}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Bên Nợ:

- + Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- + Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- + Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;
- + Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- + Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

- + Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- + Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;

- + Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

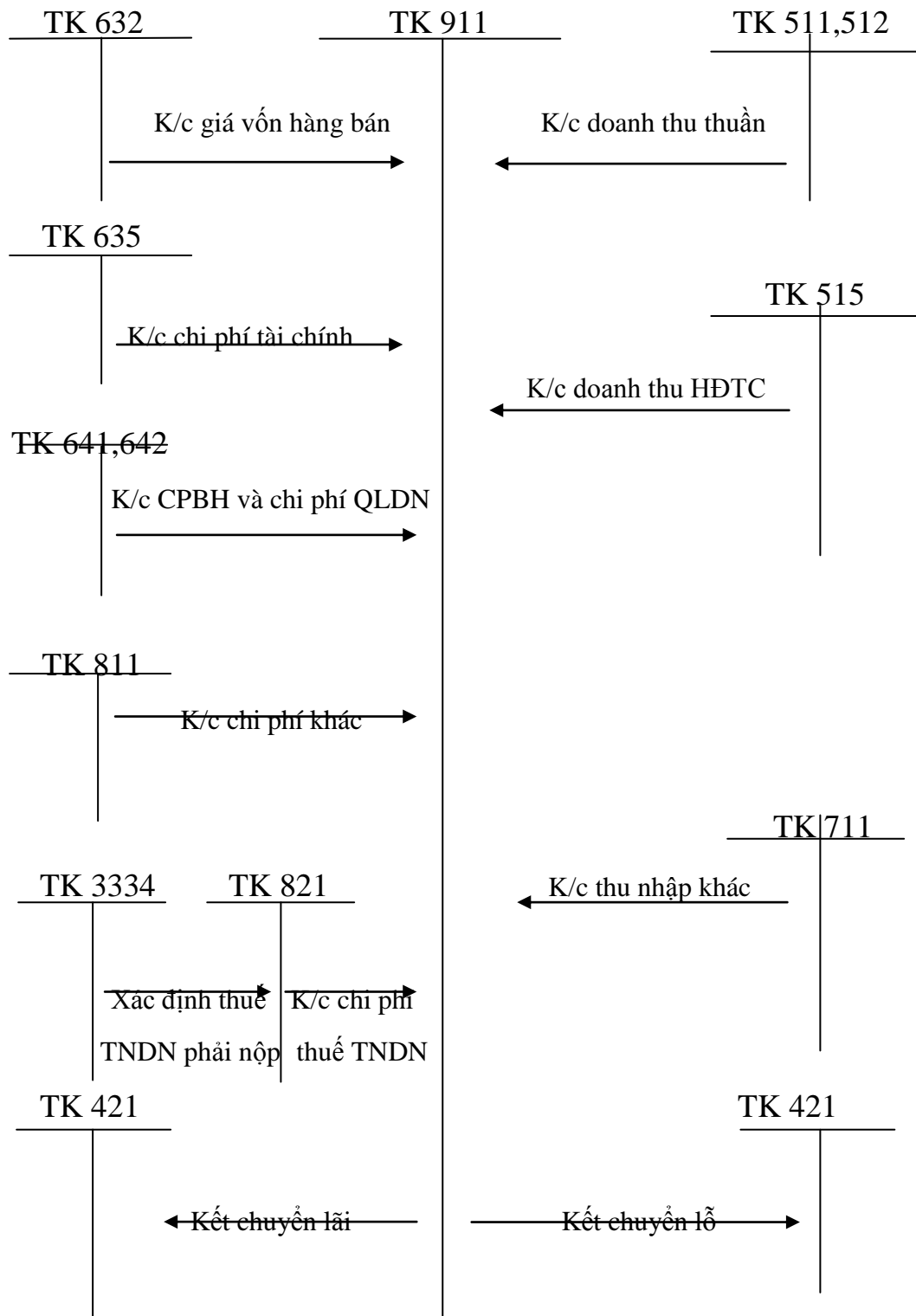
Tài khoản 421(Lợi nhuận chưa phân phối) có 2 tài khoản cấp 2:

- + *Tài khoản 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước:* Phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc năm trước. Tài khoản 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện. Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4212 “Lợi nhuận chưa phân phối năm nay” sang TK 4211 “Lợi nhuận chưa phân phối năm trước”.
- + *Tài khoản 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay:* Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ năm nay.

Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh



TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Bên Nợ:

- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;
- + Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;
- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);
- + Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);
- + Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- + Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;
- + Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;
- + Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);

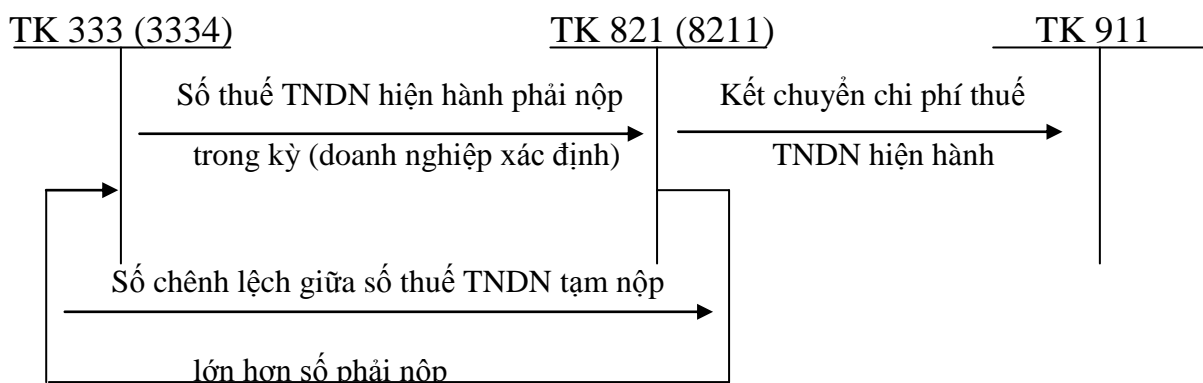
- + Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);
- + Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”;
- + Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ.

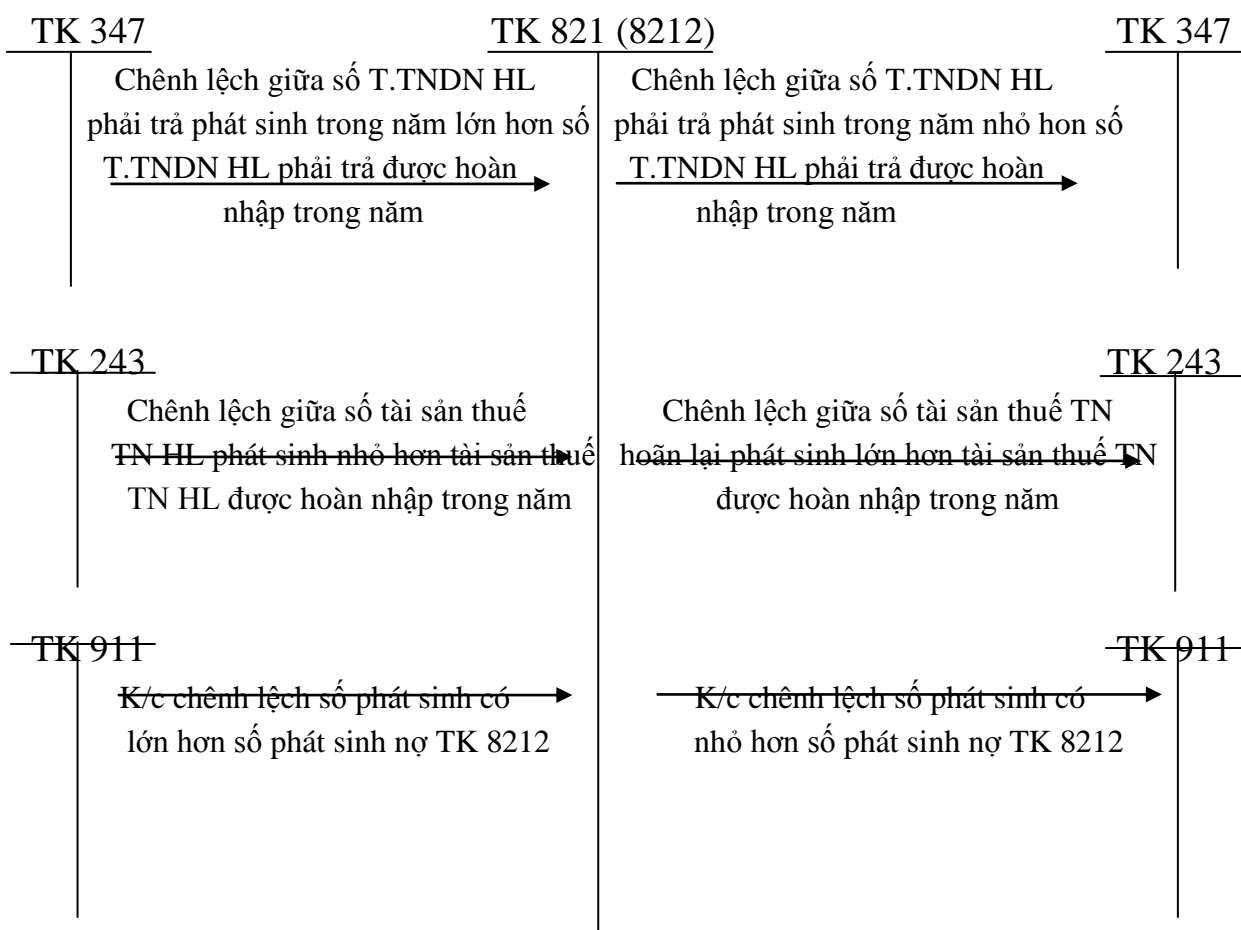
Tài khoản 821 (Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp) có 2 tài khoản cấp 2:

- + *Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*
- + *Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Sơ đồ 1.9: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.



Sơ đồ 1.10: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.



CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP FORD HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về công ty:

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP FORD Hải Phòng.

Công ty CP Ford Hải Phòng được Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200622366 ngày 05 tháng 07 năm 2005.

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần FORD Hải Phòng.

Tên giao dịch tiếng Anh: HaiPhong Ford Join stock company

Tên viết tắt: HPFORD JSC.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ.

Địa chỉ: Số 04 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0313. 668.990

Mã số thuế: 0200622366.

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ đồng chẵn).

*** Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động**

- Thuận lợi:

Chỉ mới thành lập được 5 năm nhưng công ty đã nhận được sự giúp đỡ, quan tâm của ban ngành thành phố cũng như sự nhiệt tình của đội ngũ lao động có tay nghề cao. Công ty đã tạo dựng được nhiều uy tín và đáp ứng được yêu cầu ngày càng lớn của thị trường tiêu dùng ô tô trong nước và trong việc cung cấp các dịch vụ sửa chữa, thay thế phụ tùng ô tô các loại... Đặc biệt Ford Hải Phòng là đại lý cấp 1 duy nhất của hãng xe ô tô Ford danh tiếng tại Hải Phòng.

- Khó khăn:

Hiện nay, trên thị trường xuất hiện xuất hiện nhiều hãng xe bình dân giá rẻ như Kia Morning và đặc biệt các hãng xe lớn như Honda đã liên kết với Việt Nam để sản xuất xe liên doanh nhằm giảm thuế nhập khẩu khiến giá thành giảm mạnh. Chính vì vậy Ford Việt Nam nói chung và Ford Hải Phòng nói riêng phải có những chính sách như quảng cáo, khuyến mại, dịch vụ bảo hành để thu hút khách hàng của đối thủ cạnh tranh.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty CP Ford Hải Phòng.

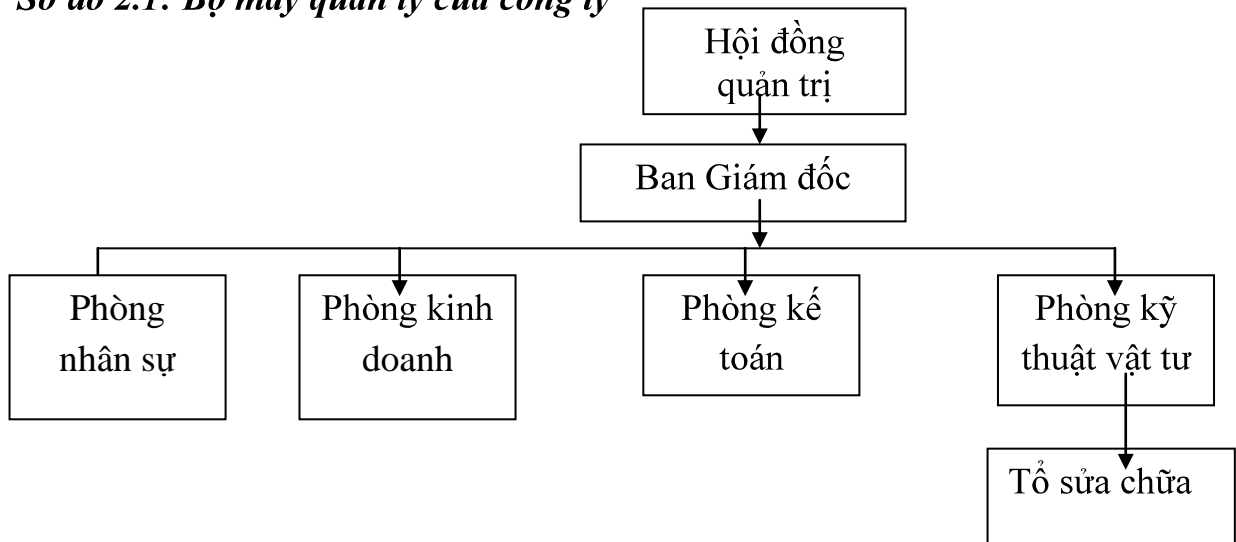
Công ty kinh doanh các ngành nghề:

1. Cung cấp ô tô Ford chính hãng
2. Dịch vụ sửa chữa xe ô tô các loại
3. Dịch vụ thay thế phụ tùng ô tô các loại
4. Cung cấp bảo hiểm ô tô

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty CP Ford Hải Phòng

Công ty CP Ford Hải Phòng là đơn vị kinh doanh độc lập. Công ty đã tổ chức mô hình quản lý kiểu trực tuyến với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty



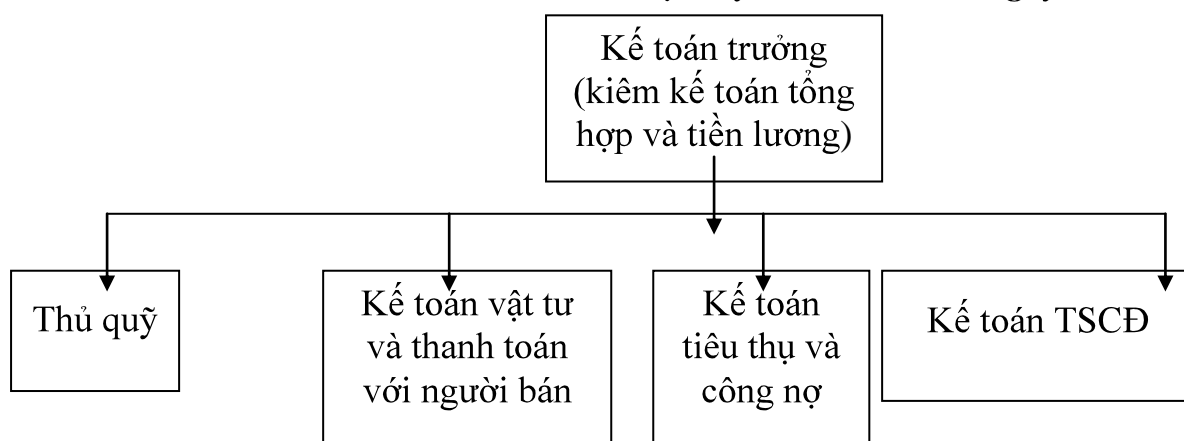
Qua sơ đồ ta thấy chức năng các phòng ban như sau:

- *Chủ tịch hội đồng quản trị*: là người đứng đầu công ty chỉ đạo về chiến lược công ty, là người triệu tập và là chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, là người giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- *Tổng Giám đốc*: là người đại diện pháp luật, chỉ đạo trực tiếp phân công lao động phù hợp, là người theo sát và đảm bảo chiến lược đề ra, theo dõi lợi nhuận và chi phí; điều phối, củng cố và đánh giá dữ liệu tài chính và chuẩn bị các báo cáo đặc biệt.
- *Phòng hành chính nhân sự*: Phòng có trách nhiệm tuyển dụng và đào tạo lao động lương thưởng cho cán bộ nhân viên. Thực hiện các công tác hành chính văn phòng như: tiếp khách, phô tô, lưu trữ, đảm bảo văn hóa công ty (trang phục, nề nếp làm việc) và các công tác hành chính khác.
- *Phòng tài chính kế toán*: Có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và xử lý các số liệu thông tin về công tác tài chính kế toán, tham mưu cho giám đốc về hiệu quả của dòng vốn kinh doanh cũng như trong việc lựa chọn và quyết định các phương án kinh doanh...
- *Phòng kinh doanh* : Có nhiệm vụ tiếp khách hàng, phân tích thị trường, tìm thị trường, khách hàng cho Công ty, đảm bảo nguồn hàng ổn định cho công ty.
- *Phòng kỹ thuật vật tư*: Đảm nhận công tác xuất nhập khẩu của công ty giao nhận vật tư, công tác giám sát kiểm tra chất lượng sản phẩm, giải quyết và thực hiện các quy trình phản hồi của công ty khi có khiếu nại của khách hàng.
- *Tổ sửa chữa*: quản lý đồ nghề dụng cụ bảo hộ lao động, thực hiện công việc sửa chữa theo sự chỉ đạo của phòng kỹ thuật vật tư và ban Giám đốc.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CP Ford Hải Phòng

- Nhiệm vụ của phòng kế toán của công ty là phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin phục vụ cho công tác quản lý và chỉ đạo kinh doanh. Đồng thời ghi chép vào sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Với chức năng và nhiệm vụ như vậy, bộ máy kế toán của công ty đã áp dụng hình thức kế toán tập trung:

- Sơ đồ 2.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty



*** Nhiệm vụ**

- Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp và kế toán tiền lương: có chức năng giám sát mọi hoạt động chung của phòng kế toán. Theo dõi tình hình thanh toán lương, phụ cấp, trợ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ với các cán bộ công nhân trong toàn công ty. Cuối kỳ tập hợp các khoản mục chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, tư vấn lên giám đốc cho hoạt động trong tương lai của công ty.
- Kế toán tiêu thụ và phải thu khách hàng: theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các đại lý cũng như tình hình thanh toán công nợ của người mua.
- Kế toán TSCĐ: có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm của TSCĐ, quản lý tình hình sử dụng TSCĐ, theo dõi khấu hao.
- Thủ quỹ: Đảm bảo các hoạt động quản lý và thu chi trong các hoạt động giao dịch của công ty.

*** Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán:**

Công ty CP Ford Hải Phòng tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

*** Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán**

Công ty CP For Hải Phòng tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

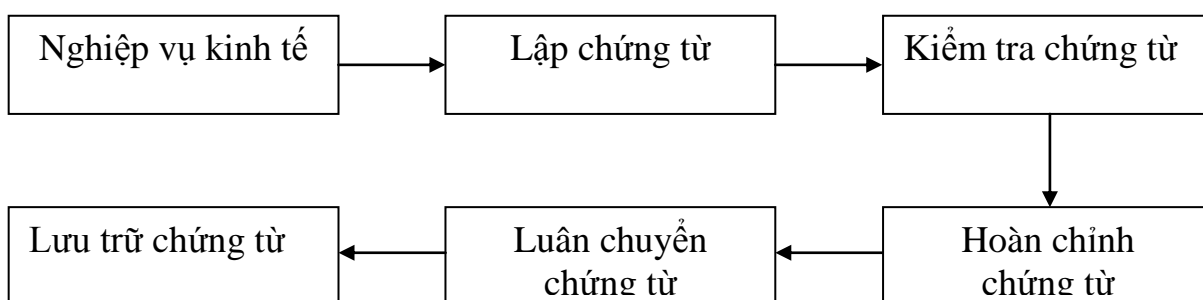
2.1.5 Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty CP FORD Hải Phòng.

Hình thức kế toán được công ty áp dụng là: **Nhật ký chung**.

Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.

Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo các bước sau:

Sơ đồ 2.3. Chu trình kế toán tại công ty CP Ford Hải Phòng:



- **Kiểm tra chứng từ:** Xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.

- **Hoàn chỉnh chứng từ:** Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất... tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.

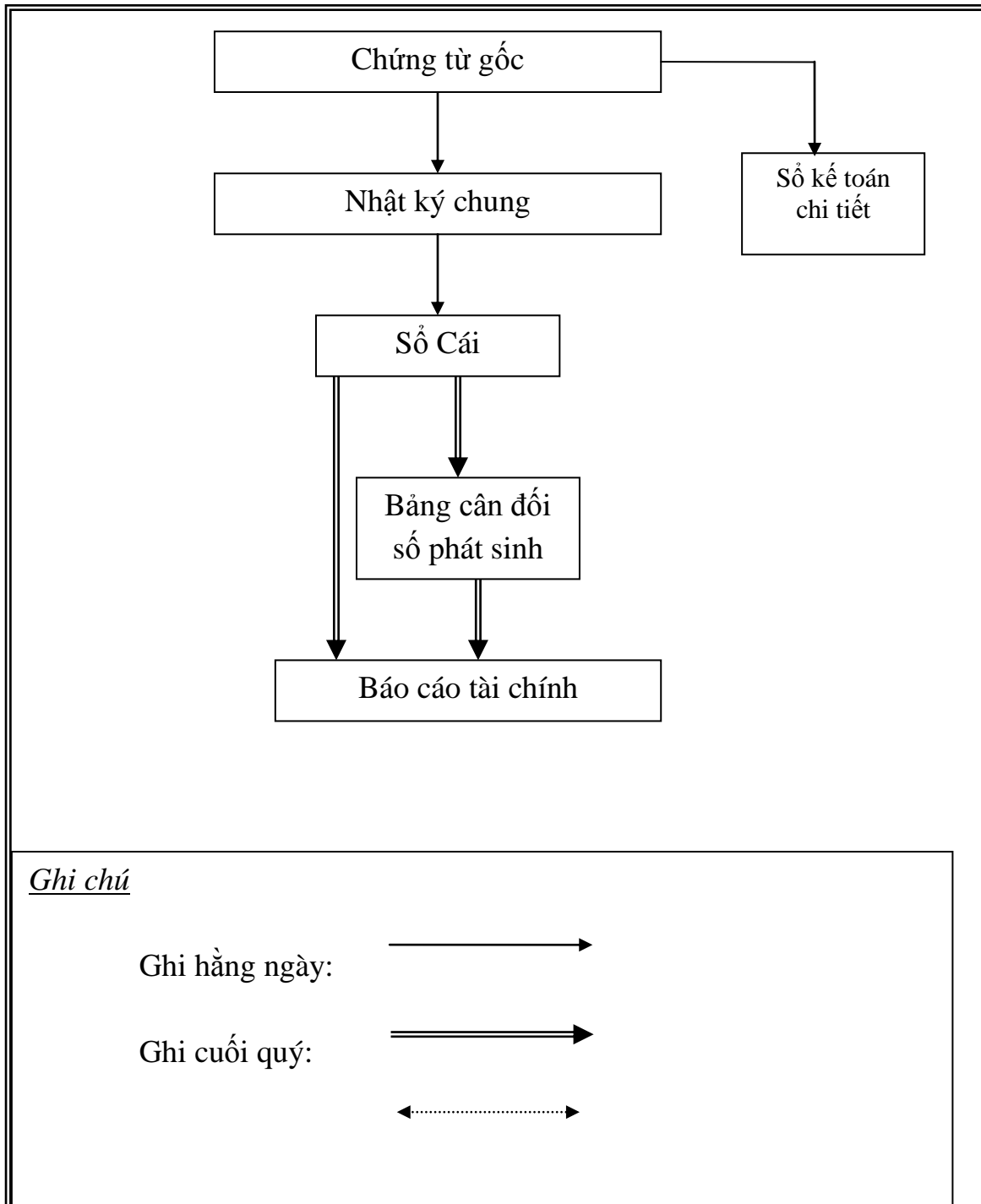
- **Luân chuyển chứng từ:** Tùy theo tính chất nội dung cả từng loại chứng từ luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác

- **Lưu trữ chứng từ:** Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán **Nhật ký chung** là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán.

Sơ đồ 2.4:

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG



*** Chính sách kế toán:**

- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006
- Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hàng tháng công ty phải nộp tờ khai thuế cho Cục thuế Hải Phòng.
- Công ty kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Hàng quý công ty phải lập tờ khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Vào cuối năm công ty lập quyết toán thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định của Tổng cục thuế.
- Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

Trình tự ghi sổ kế toán như sau:

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ kế toán chi tiết.
2. Hàng ngày, từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái các tài khoản.
3. Tổng hợp các sổ chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết.
4. Kiểm kê tài sản, khóa sổ kế toán, lập bảng cân đối sổ phát sinh.
5. Lập báo cáo kế toán:
 - Bảng cân đối kế toán.
 - Bảng báo cáo kết quả kinh doanh.
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - Thuyết minh báo cáo tài chính.

2.1.6 Một số kết quả đạt được của công ty CP Ford Hải Phòng đạt được trong những năm gần đây.

Công ty CP Ford Hải Phòng là đại lý cấp 1 duy nhất của hãng xe Ford tại Hải Phòng. Hiện nay công ty còn bắt đầu có uy tín và thương hiệu trong việc cung cấp các dịch vụ về sửa chữa và thay thế phụ tùng xe ô tô các loại.

Kết quả đạt được trong những năm 2008, 2009, 2010 như sau:

- Về lao động: Số lượng tham gia lao động tại công ty ngày càng tăng. Tính đến tháng 12/2010, tổng số lao động của công ty là 56 người trong đó 80% đã được đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, số còn lại tốt nghiệp trường nghề.
- Về biến động của tài sản và nguồn vốn tại công ty (ĐVT: Đồng VN):

Bảng 2.1. Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn trong các năm 2008, 2009, 2010

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Tài sản			
A. Tài sản ngắn hạn	40,010,558,793	39,839,847,313	54,763,639,294
B. Tài sản dài hạn	8,865,437,445	8,246,248,982	7,681,646,441
Tổng tài sản	48,875,996,238	48,086,096,295	62,445,285,735
Nguồn vốn			
A. Nợ phải trả	35,872,103,337	34,275,315,078	34,392,943,866
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	13,003,892,491	13,810,781,217	28,052,341,869
Tổng cộng nguồn vốn	48,875,996,238	48,086,096,295	62,445,285,735

Nhìn vào bảng trên ta có thể nhận xét như sau: Tổng tài sản và nguồn vốn của công ty năm 2009 có xu hướng giảm, điều này chứng tỏ cơ sở vật chất của công ty chưa được tăng cường, quy mô chưa được mở rộng, điều này làm giảm nguồn lợi tức của công ty.

Nhưng đến năm 2010 thì tổng tài sản và nguồn vốn tăng mạnh điều này chứng tỏ doanh nghiệp đã chú ý tăng cường mở rộng quy mô kinh doanh, việc này đã góp phần làm tăng lợi nhuận của công ty một cách đáng kể.

- Về sự biến động doanh thu, chi phí, và lợi nhuận sau thuế của công ty (ĐVT: đồng):

Bảng 2.2. Tình hình biến động về lợi nhuận trong các năm 2008, 2009, 2010

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu thuần	138,585,435,145	141,567,891,348	131,333,074,813
Chi phí BH	678.990.878	715,568,481	1,252,652,458
Chi phí QLDN	3,894,245,176	4,028,545,383	3,415,541,493
Lợi nhuận sau thuế	3,003,892,491	3,456,385,079	3,180,563,564

Qua bảng trên ta thấy: Doanh thu thuần năm 2010 bị thấp hơn so với những năm trước. Mặc dù chi phí quản lý doanh nghiệp đã được cắt giảm và chi phí bán hàng với các chính sách khuyến mại được tăng lên. Vì trong năm 2010 vừa qua hàng loạt các hãng xe giá bình dân ra các kiểu dáng mẫu mã mới khiến việc tiêu thụ của ô tô Ford bị giảm đáng kể.

2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP FORD Hải Phòng.

2.2.1 Kế toán doanh thu tại công ty CP FORD Hải Phòng.

*** Đặc điểm về doanh thu tại công ty.**

- Doanh thu chủ yếu của công ty CP FORD Hải Phòng bán xe ô tô chính hãng của FORD, dịch vụ sửa chữa và thay thế phụ tùng ô tô ...
- Phương thức thanh toán:
- + Phương thức thanh toán trả tiền ngay: Bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được áp dụng với hầu hết mọi đối tượng khách hàng để đảm bảo vốn thu hồi nhanh, tránh tình trạng chiếm dụng vốn.

Đối với phương thức thanh toán bằng tiền mặt. Hàng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán viết hoá đơn GTGT.

Hoá đơn giá trị gia tăng hàng bán ra gồm 3 liên:

- ✓ Liên 1: Màu tím được lưu lại quyền hoá đơn.
- ✓ Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng.
- ✓ Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán.

Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết Phiếu thu, phiếu thu viết làm 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 để lưu, liên 2 giao khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

Đối với phương thức thanh toán qua ngân hàng. Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán nhận được giấy báo có kèm theo Sổ phụ của ngân hàng và tiền hành ghi nhận doanh thu, đồng thời ghi nhận giá vốn tương ứng.

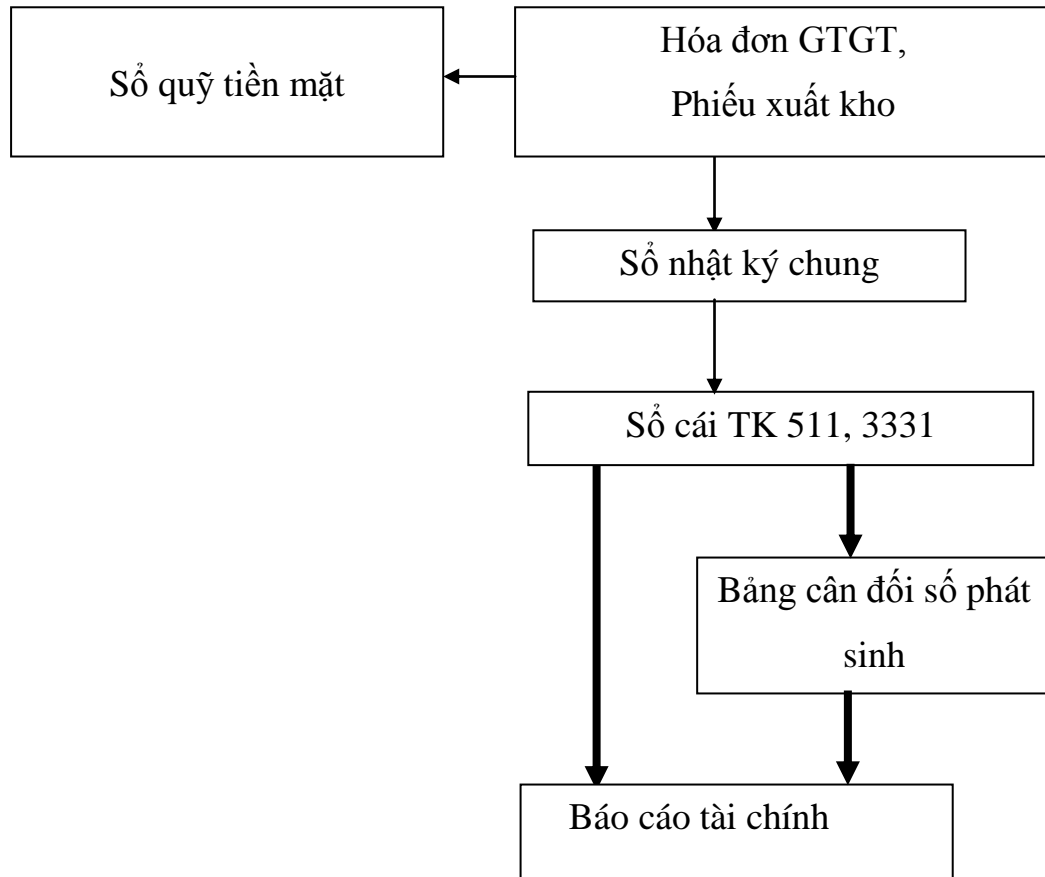
*** Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu
- Một số chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 3331: Thuế giá trị gia tăng phải nộp

Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow
 Ghi định kỳ : \longrightarrow

*** Ví dụ minh họa:**

Ví dụ 1: Ngày 07/10/2010, công ty thu tiền sửa chữa xe cho Thanh Tra Sở Giao Thông Vận Tải HP 14.884.500 đồng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là 10%) bằng tiền mặt.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên kế toán viết phiếu thu số PT 78, Hóa đơn GTGT ký hiệu ME/2010B số 0092171. Kế toán vào sổ quỹ tiền mặt để phản ánh số tiền bán hàng thu được, Sổ chi tiết bán hàng, sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511 và sổ cái TK 333

Ví dụ 2: Ngày 15/12/2010, công ty bán cho Công ty TNHH Giafy Hong Fu Việt Nam một xe ô tô con 7 chỗ ngồi nhãn hiệu Ford Everet với đơn giá là 689.090.909 đồng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%), thu tiền đặt cọc 10.000.000 bằng tiền mặt.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên kế toán viết phiếu thu số PT95, Hóa đơn GTGT ký hiệu TB/2009B số 0067931. Kế toán vào sổ quỹ tiền mặt để phản ánh số tiền thu được, chi tiết bán hàng, sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511 và sổ cái TK 333.

Biểu số 2.1

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ <i>Ngày 07 tháng 10 năm 2010</i>			Mẫu số: 01 GTKT-3LL ME/2010B 0092171		
Đơn vị bán hàng: Công ty CP FORD Hải Phòng Địa chỉ: Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại:..... MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: Thanh tra Sở Giao thông Vận Tải Hải Phòng Địa chỉ: Số 01 Cù Chính Lan – Hải Phòng Số tài khoản:..... Hình thức thanh toán: TM. MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Xuất HD sửa chữa xe 16A-1569				14.884.500
Cộng tiền hàng					14.884.500
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					1.488.450
Tổng cộng tiền thanh toán					16.372.950
Số viết bằng chữ: Mười sáu triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi đồng.					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> Nguyễn Quốc Hiệu		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> Nguyễn Thị Bích <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i> Phó Tổng Giám Đốc Nguyễn Văn Phú	

Biểu số 2.2

**CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng,HP**

PHIẾU THU

Số phiếu: 78
Tài khoản: 1111
Tài khoản đứ: 511
333

Ngày 07 tháng 10 năm 2010

Họ, tên người nộp tiền: *Nguyễn Quốc Hiệu*
Địa chỉ: Thanh tra Sở GTVT Hải Phòng
Lý do thu: *Thu tiền sửa chữa xe 16A-A569 theo HĐ số 0092171*
Số tiền: 16.372.950
Viết bằng chữ: *Mười sáu triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm năm mươi đồng.*
Kèm theo: 01 **Chứng từ gốc**

Ngày 07 tháng 10 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nộp tiền <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>
---	--	---	--	---------------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Mười sáu triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm năm mươi đồng*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.3

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 15 tháng 12 năm 2010			Mẫu số: 01 GTKT-3LL TB/2009B 0067931														
Đơn vị bán hàng: Công ty CP FORD Hải Phòng Địa chỉ: Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại:..... MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td></tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td></tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr> </table>						0	2	0	0	6	2	2	3	3	6		
0	2																
0	0	6	2	2	3	3											
6																	
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: Công ty TNHH Giày Hong Fu Việt Nam Địa chỉ: KCN và Đô thị Hoàng Long, Hoàng Anh, Hoàng Hóa, Thanh Hóa. Số tài khoản:..... Hình thức thanh toán: CK..... MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td></tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td></tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr> </table>						2	8	0	1	5	7	2	5	8	8		
2	8																
0	1	5	7	2	5	8											
8																	
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3=1*2												
1	Xe ô tô con 7 chỗ ngồi.				689.090.909												
	Nhãn hiệu: Ford Everest (xe động cơ dầu, số sàn)																
	Xê ri: Ford Everest – UW151-2																
	Màu : Đen																
	SK: RL05SUHMMAPR15695 SM: WL AT1183755																
	 																
Cộng tiền hàng					689.090.909												
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					68.909.091												
Tổng cộng tiền thanh toán					758.000.000												
Số viết bằng chữ: Bảy trăm năm mươi tám triệu đồng chẵn.																	
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)													
Bán hàng qua điện thoại		Nguyễn Thị Út Quyên (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)		Phó Tổng Giám Đốc Nguyễn Văn Phú													

Biểu số 2.4

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng,HP

PHIẾU THU

Số phiếu: 95
Tài khoản: 1111
Tài khoản đứ: 511
333

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Họ, tên người nộp tiền: *Chị Thanh*
Địa chỉ: Công ty TNHH Giày Hong Fu Việt Nam
Lý do thu: *Thu tiền đặt cọc mua xe Ford Everest*
Số tiền: 10.000.000
Viết bằng chữ: *Mười triệu đồng chẵn.*
Kèm theo: 01 **Chứng từ gốc**

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nộp tiền <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>
---	--	--	---	--

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

Mười triệu đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):

.....

+ Số tiền quy đổi:

.....

Biểu số 2.5: Trích sổ quỹ tiền mặt năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng,
HP

SỔ QUỸ TIỀN MẶT
Quý IV năm 2010

Mẫu số S07a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Loại TK: Tiền mặt tại quỹ

Mã hiệu:

111

Đơn vị tính: ĐồngVN

Ngày tháng	Số phiếu		Diễn giải	Số tiền		
	Thu	Chi		THU	CHI	TÒN
					
			Dư đầu kỳ			1.725.323.029
.....
05/10/2010		PC 73	Thanh toán tiền điện thoại		451.200	1.659.350.000
06/10/2010		PC 74	Trả tiền mua VPP		1.500.000	1.657.850.000
31/05/2010	PT 78		Thu tiền sửa chữa tàu của cty CP vận tải biển và thương mại Long Sơn	16.372.950		1.674.222.9508
.....
15/12/2010	PT 95		Thu tiền đặt cọc của Cty TNHH Giày Hong Fu VN	10.000.000		1.684.222.950
.....
			Cộng	7.015.568.892	7.971.001.437	
			SDCK			1.468.666.966

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6: Trích sổ chi tiết doanh thu năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

TK: 5112

TênTK: Doanh thu bán xe ô tô

Mẫu số S34-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu	
	Số hiệu	Ngày tháng			Thành tiền	
					Nợ	Có
		
15/12/2010	0067931	15/12/2010	Doanh thu bán xe Everesr cho Cty TNHH Giày Hong Fu VN	111 131		10.000.000 679.090.909
.....
31/12/2010			Cuối tháng kết chuyển doanh thu bán xe ô tô	911	11.602.376.905	
			Cộng		11.602.376.905	11.602.376.905

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.4: Trích sổ chi tiết doanh thu năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/10/2010

TK: 5113

TênTK: Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe ô tô

Mẫu số S34-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu	
	Số hiệu	Ngày tháng			Thành tiền	
					Nợ	Có
					
07/10/2010	0092169	07/10/2010	Thu sửa chữa xe Cty TNHH Hùng Việt	111		20.960.000
07/10/2010	0092170	07/10/2010	Thu sửa chữa xe của ông Bùi Ngọc Minh	111		5.512.500
07/10/2010	0092171	07/10/2010	Thu sửa chữa xe cho Thanh tra Sở GTVT Hải Phòng	111		14.884.500
.....
31/10/2010			Cuối tháng kết chuyển doanh thu DVSC ô tô	911	2.122.186.869	
			Cộng		2.122.186.869	2.122.186.869

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.5. Trích sổ nhật ký chung năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng				NỢ	CÓ	
.....
07/10/2010	0092171	07/10/2010	Sửa chữa xe cho Thanh Tra Sở GTVT HP	X		1111	511	14.884.500
				X		1111	333	1.488.450
07/10/2010	0092171	07/10/2010	Sửa chữa xe cho Thanh Tra Sở GTVT HP	X		632	154	10.050.500
.....
15/12/2010	0067931	15/12/2010	Doanh thu bán xe Everest cho Cty TNHH Giày Hong Fu VN	X		111	511	10.000.000
				X		131	511	679.090.909
				X		131	333	68.909.091
15/12/2010	PXK154		Xuất xe Everest theo phiếu xuất xưởng số50339	X		632	156	588.000.000
.....
31/12/2010		31/12/2010	Cuối kỳ kết chuyển doanh thu	X		511	911	132.724.563.774
.....
			Cộng					1.255.340.865.267

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6. Trích sổ cái TK 511 năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Số hiệu: 511

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
07/10/2010	0092171	07/10/2010	Thu sc xe cho Thanh tra Sở GTVT HP	111		14.884.500
15/12/2010	0067931	15/12/2010	DT bán xe Everest cho Cty TNHH Giafy Hong Fu Việt Nam	111 131		10.000.000 679.090.909
31/12/2010		31/12/2010	Cuối kỳ kết chuyển doanh thu	911	132.724.563.774	
			Cộng số phát sinh				132.724.563.774	132.724.563.774
			Số dư cuối kỳ					
			Cộng lũy kế từ đầu kỳ					

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.7. Trích sổ cái TK 333 năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Thuế và các khoản nộp Nhà nước
Số hiệu: 333

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ					-
			Số phát sinh					
.....
07/10/2010	02092171	07/10/2010	Thuế GTGT đầu ra theo HĐ 0092171			111		1.488.450
.....
15/12/2010	0067931	12/15/2010	Thuế GTGT đầu ra theo HĐ 0067931			131		68.909.091
			Cộng số phát sinh				13.350.392.943	13.350.392.943
			Số dư cuối kỳ					-

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.2. Kế toán chi phí tại công ty Cổ phần FORD Hải Phòng**2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán:**

- Khi xe vào xưởng làm dịch vụ sửa chữa, bộ phận cố vấn dịch vụ tiếp nhận, kiểm tra xe, lập phiếu sửa chữa sau đó chuyển bộ phận kho để xuất kho phụ tùng sửa chữa xe:

Nợ TK 154 : Chi tiết cho từng xe

Có TK 156

Khi việc sửa chữa hoàn thành, khách hàng thanh toán tiền và nhận hoá đơn tại bộ phận thu ngân, khi xuất hoá đơn cho khách:

Nợ TK 632

Có TK 154

-Khi bán xe ô tô, căn cứ vào biên bản bàn giao xe và hoá đơn GTGT để vào sổ chi tiết TK 632.

Đặc điểm kế toán giá vốn hàng bán tại công ty:

Tại công ty CP Ford Hải Phòng hàng xuất kho được áp dụng theo phương pháp nhập trước xuất trước.

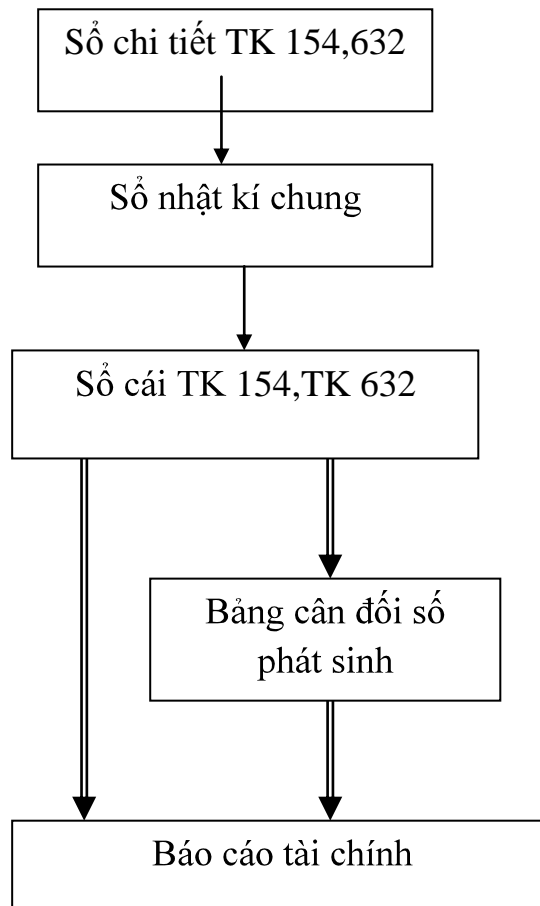
Sổ sách kế toán:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 632,154,911.

Tài khoản sử dụng:

- + TK 632: Giá vốn
- + TK 154: Giá vốn vật tư
- + TK 1111: Tiền mặt (chi trả cho các chi phí phát sinh)
- + TK 156 : Hàng hoá.

Sơ đồ 2.6. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty CP FORD Hải Phòng:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi định kỳ : \Longrightarrow

*** Ví dụ minh họa: Lấy tiếp ví dụ 1**

Cùng với việc ghi nhận doanh thu từ hoạt động sửa chữa kế toán ghi nhận giá vốn. Kế toán vào sổ nhật kí chung (đã ghi ở trên) và vào sổ cái các TK liên quan.

Đơn vị: Công ty CP FORD Hải Phòng

Mẫu số: 02-VT

Địa chỉ: Km 104 +300, Nguyễn Bình Khiêm,

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Đông Hải I, Hải An, Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 01 tháng 10 năm 2010

Số 12/12

Nợ: TK154

Có: TK156

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Đức Tài
- Địa chỉ: phòng vật tư
- Lý do xuất hàng: Sửa chữa xe ô tô 16A-1569
- Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa

STT	Tên hàng	Mã hàng	ĐV tính	Số lượng	Giá đơn vị	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3
1	Dầu máy	YK8152007FMC	L	6.5	50.000	325.000
2	Lọc dầu máy	WL8414302T	Chiếc	1	80.000	80.000
3	Gas điều hòa	LTGAS134A	L	0.5	450.000	225.000
4	Lọc gió	AFA177MC	Chiếc	1	170.000	170.000
5	Cao su lát ngoài	M08022530B	Chiếc	2	1.050.000	2.100.000
6	Cao su lát trong	M08022540	Chiếc	1	550.000	550.000
7	Bi moay ơ trước	UM5133047	Cái	2	1.450.000	2.900.000
8	Bi các đăng ranger 2003 4w	SA672506X	Cái	1	715.000	715.000
9	Xi lanh phanh sau	UR5826610	Bộ	2	725.000	1.450.000
10	Tuyô cao áp trợ lực lái	UH71322490C	Bộ	1	780.050	780.050
11	Dầu phanh BP DOT3	DOT3	Lít	1	85.000	85.000
12	Dầu trợ lực lái	AUTRAN	Lít	2	85.000	170.000
13	Nhớt hộp số đa cấp	HD80W90	Hộp	10	50.000	500.000
	CỘNG					10.050.500

Cộng thành tiền: Mười triệu không trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng.

Ngày 01 tháng 10 năm 2010

Người lập	Người nhận	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
phiếu				
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

**Biểu số 2.8: Trích sổ chi tiết chi phí sxkd
dở dang năm 2010**

**CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng,
HP**

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ SX DỞ DANG
Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/10/2010
TK: 154
TênTK: Chi phí sửa chữa xe 16A-1569

Mẫu số S34-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu	
	Số hiệu	Ngày tháng			Thành tiền	
					Nợ	Có
					
01/10/2010	PXK12/12	01/10/2010	Xuất kho dầu máy	156	325.000	
01/10/2010	PXK12/12	01/10/2010	Xuất kho lọc dầu máy	156	80.000	
01/10/2010	PXK12/12	01/10/2010	Xuất kho Gas điều hoà	156	225.000	
...
07/10/2010			K/C giá vốn vật tư sửa chữa xe	632		10.050.500
			Cộng		10.050.500	10.050.500

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.9: Trích sổ chi tiết giá vốn hàng bán năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN
Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/10/2010
TK: 6321
TênTK: Giá vốn hàng bán phụ tùng

Mẫu số S34-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu	
	Số hiệu	Ngày tháng			Thành tiền	
					Nợ	Có
					
07/10/2010	0092169	07/10/2010	Giá vốn sửa chữa xe Cty TNHH Hùng Việt	154	15.576.350	
07/10/2010	0092170	07/10/2010	Giá vốn chữa xe của ông Bùi Ngọc Minh	154	4.350.185	
07/10/2010	0092171	07/10/2010	Giá vốn sửa chữa xe cho Thanh tra Sở GTVT Hải Phòng	154	10.050.500	
...
31/10/2010			Cuối tháng kết chuyển doanh thu sửa chữa dịch vụ	911		932,186,869
			Cộng		932.186.869	932.186.869

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.10: Trích sổ chi tiết giá vốn hàng bán năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN
Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010
TK: 6322
TênTK: Giá vốn hàng bán ô tô

Mẫu số S34-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu	
	Số hiệu	Ngày tháng			Thành tiền	
					Nợ	Có
					
15/12/2010	0067931	15/12/2010	Giá vốn xe ô tô Everest bán cho Cty TNHH Giày Hong Fu Việt Nam	156	588.000.000	
...
31/12/2010			Cuối tháng kết chuyển giá vốn hàng bán ô tô	911		25.156.157.153
			Cộng		25.156.157.153	25.156.157.153

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.11 Trích sổ cái TK 632 năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010
Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
07/10/2010	PCKT51	07/10/2010	Kết chuyển giá vốn vật tư sửa chữa ô tô 16A-1569 cho TT Sở GTVT HP			154	10.050.500	
15/12/2010	PXX154	15/12/2010	Xuất xe Everest theo phiếu xuất xưởng số 50339			156	588.000.000	
31/12/2010			Cuối kỳ kết chuyển giá vốn hàng bán			911		120.948.828.781
			Cộng số phát sinh				120.948.828.781	120.948.828.781
			Số dư cuối kỳ					
			Cộng lũy kế từ đầu kỳ					

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.12. Trích sổ cái TK 154 năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí SXKD doanh dở dang

Số hiệu: 154

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ				42.989.180	
			Số phát sinh					
.....
07/10/2010		07/10/2010	Kết chuyển giá vốn vật tư sửa chữa ô tô 16A-1569 cho TT Sở GTVT HP			632		10.050.500
.....
			Cộng số phát sinh				5.413.921.993	5.413.921.993
			Số dư cuối kỳ				431.278.985	
			Cộng lũy kế từ đầu kỳ					

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Là những chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí: Chi phí tiền lương công nhân viên; Chi phí tiếp khách; chi phí BHYT, BHXH; Chi phí khấu hao TSCĐ; CP sửa chữa; CP điện, nước, điện thoại; CP thuê mặt bằng

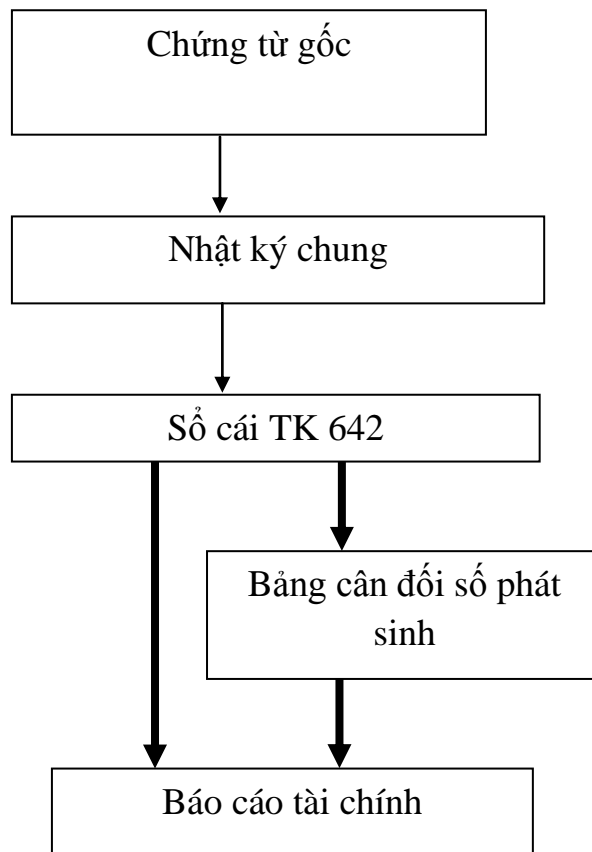
Các chứng từ sổ sách sử dụng :

- + Phiếu chi
- + Hoá đơn GTGT
- + Lệnh chi
- + Sổ cái TK 642,112....

Các tài khoản sử dụng :

- + TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Sơ đồ 2.8. Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty CP FORD Hải Phòng:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày : \longrightarrow
- Ghi định kỳ : \longrightarrow

Ví dụ1: Ngày 27/12, Công ty thanh toán tiền cước điện thoại cố định cho Cty TNHH MTV Điện lực HP theo HĐ số 0946535 và 0761790 số tiền là 55.899(Chưa có VAT 10%).

Ví dụ2: Ngày 31/12, Công ty thanh toán tiền mua 05 quyền hóa đơn Cục thuế TP Hải Phòng theo HĐ số 0011907 số tiền là 76.000

Biểu số 2.13

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng
Bàng,HP

PHIẾU CHI

Quyển số 06

Mẫu số 02-TT
QĐ số15/2006/QĐ-BTC ngày 20
tháng 03 năm 2006 của
Bộ trưởng BTC

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Số: PC62

NỢ: 642-1331

CÓ: 111

Họ, tên người nhận tiền: *Phạm Văn CHín*
Địa chỉ: Công ty TNHH MTV Điện lực HP
Lý do thu: *Chi tiền điện thoại telecom T11+12/2010*
Số tiền: 61.489 (đ)
Viết bằng chữ: *Sáu mươi một nghìn, bốn trăm tám mươi chín đồng chẵn*
Kèm theo: **Chứng từ kế toán**

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Sáu mươi một nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng*
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.14

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng
Bàng,HP

PHIẾU CHI

Quyển số 06

Mẫu số 02-TT
 QĐ số15/2006/QĐ-BTC ngày 20
 tháng 03 năm 2006 của
 Bộ trưởng BTC

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

Số: PC078

NỢ: 642

CÓ: 111

Họ, tên người nhận tiền: *Trịnh Thị Quỳnh*
Địa chỉ: Công ty CP Ford Hải Phòng
Lý do thu: *Chi tiền mua 05 quyển Hóa đơn GTGT*
Số tiền: 76.000 (đ)
Viết bằng chữ: *Bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn*
Kèm theo: **Chứng từ kế toán**

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn*
 + Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):
 + Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.15. Trích sổ nhật ký chung năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đơn vị tính: **Đồng VN**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dò g	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng				NỢ	CÓ	
.....
27/12/2010	PC62	27/12/2010	Trả cước điện thoại cố định T12	X		642	111	55.899
27/12/2010	PC62	27/12/2010	Thuế GTGT được khấu trừ-điện thoại	X		133	111	5.590
.....
29/12/2010	PC78	29/12/2010	Thanh toán tiền mua quyền HĐ GTGT	X		642	111	76.000
.....	X	
31/05/2010		31/05/2010	Kết chuyển chi phí QLDN	X		911	642	3.415.541.493
...
			Cộng lũy kế					27.594.148.794

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.16. Trích sổ cái TK 642 năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
.....
27/12/2010	PC62	27/12/2010	Trả cước điện thoại cố định T11+12			111	55.899	
.....
29/12/2010	PC78	29/12/2010	Thanh toán tiền mua quyền HĐ GTGT			111	76.000	
.....
31/12/2010			Cuối kỳ kết chuyển CP Quản lý DN			911		3.415.541.493
			Cộng số phát sinh				3.415.541.493	3.415.541.493
			Số dư cuối kỳ					

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng.

Là những chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động bán hàng của doanh nghiệp. Chi bán hàng bao gồm các chi phí: Chi phí công tác, CP xăng dầu, CP dịch vụ, hoa hồng, quảng cáo, CP Văn phòng phẩm, CP khuyến mại, CP vận chuyển, CP bằng tiền khác.

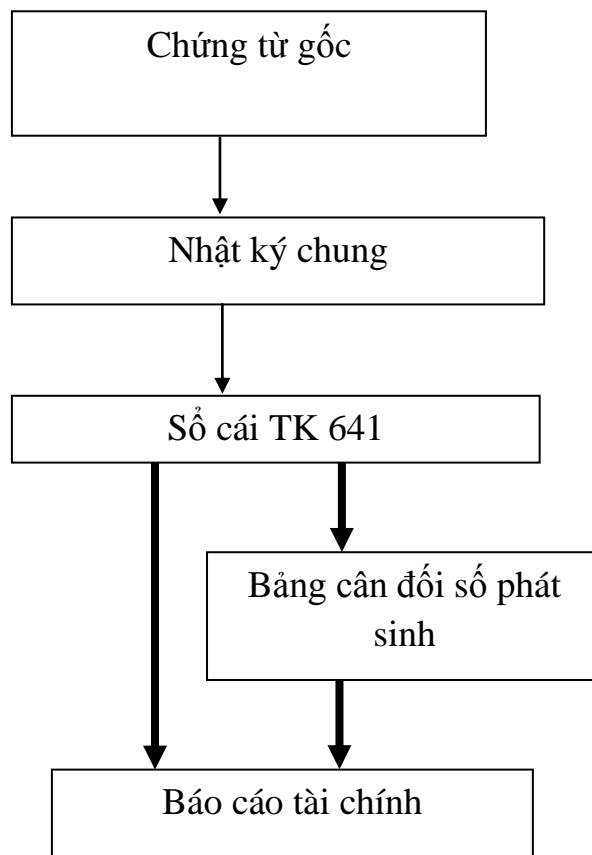
Các chứng từ sổ sách sử dụng :

- + Phiếu chi
- + Hoá đơn GTGT
- + Lệnh chi
- + Sổ cái TK 641,112....

Các tài khoản sử dụng :

- + TK 641 : Chi phí bán hàng

Sơ đồ 2.8. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng tại công ty CP FORD Hải Phòng:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày : \longrightarrow
- Ghi định kỳ : \longrightarrow

Ví dụ 1: Ngày 29/12/2010 Công ty chi tiền đổ xăng xe cho Bùi Ngọc Minh đi công tác số tiền là 433.637 (Chưa có VAT 10%, LPXD 30.000)

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2010 Thanh toán tiền cước vận chuyển ô tô cho Cty TNHH TM và VT Phương Anh theo HĐ 0062075 số tiền là 7.545.455 (Chưa bao gồm thuế VFAT 10%).

Biểu số 2.17

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng
Bàng,HP

PHIẾU CHI

Quyển số 06

Mẫu số 02-TT
QĐ số15/2006/QĐ-BTC ngày 20
tháng 03 năm 2006 của
Bộ trưởng BTC

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

Số: PC76

NỢ: 641-1331

CÓ: 111

Họ, tên người nhận tiền: *Bùi Ngọc Minh*
Địa chỉ: Công ty CP Ford Hải Phòng
Lý do thu: *Chi tiền đổ xăng xe 16N-7094 công tác.*
Số tiền: 507.000 (đ)
Viết bằng chữ: *Năm trăm lẻ bảy nghìn đồng chẵn*
Kèm theo: **Chứng từ kế toán**

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Năm trăm lẻ bảy nghìn đồng chẵn*
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.18

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng
Bàng,HP

PHIẾU CHI

Quyển số 06

Mẫu số 02-TT
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20
tháng 03 năm 2006 của
Bộ trưởng BTC

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PC103

NỢ: 641-1331

CÓ: 111

Họ, tên người nhận tiền: *Trần Văn Nam*
Địa chỉ: Công ty TNHH TM và VT Phương Anh
Lý do thu: *Thanh toán tiền cước vận chuyển cho Công ty TNHH TM và VT Phương Anh*
Số tiền: 8.300.000 (đ)
Viết bằng chữ: *Tám triệu ba trăm nghìn đồng chẵn*
Kèm theo: **Chứng từ kế toán**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Tám triệu ba trăm nghìn đồng chẵn*
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.19: Trích sổ nhật ký chung năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đơn vị tính: **Đồng VN**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dồn g	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng				NỢ	CÓ	
.....
29/12/2010	PC76	29/12/2010	Thanh toán tiền mua xăng A95 cho Cty CP VT và DV Petrolimex HP theo HĐ 0079836	X		641	111	463.637
			Thuế GTGT đầu vào theo HĐ 0079836	X		133	111	43.363
							
31/12/2010	PC103	31/12/2010	Thanh toán tiền cước vận chuyển ô tô cho Cty TMHH TM và VT Phương Anh theo HĐ 0062075	X		641	111	7.545.455
			Thuế GTGT đầu vào theo HĐ 0062075	X		133	111	754.545
31/05/2010		31/05/2010	Kết chuyển chi phí Bán hàng	X		911	641	1.252.652.458
...
			Cộng lũy kế					12.546.895.542

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.20: Trích sổ cái TK 641 năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
.....
29/12/2010	Pc76	29/12/2010	TT tiền mua xăng A95 cho Cty CP VT và DV Petrolimex HP theo HĐ 0079836			111	463.637	
.....
31/12/2010	PC103	31/12/2010	TT tiền cước vận chuyển ô tô cho Cty TNHH TM và VT Phương Anh			111	7.545.455	
.....
31/12/2010			Cuối kỳ kết chuyển CP bán hàng			911		1.252.652.458
			Cộng số phát sinh				1.252.652.458	1.252.652.458
			Số dư cuối kỳ					

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

2.2.3.1. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng

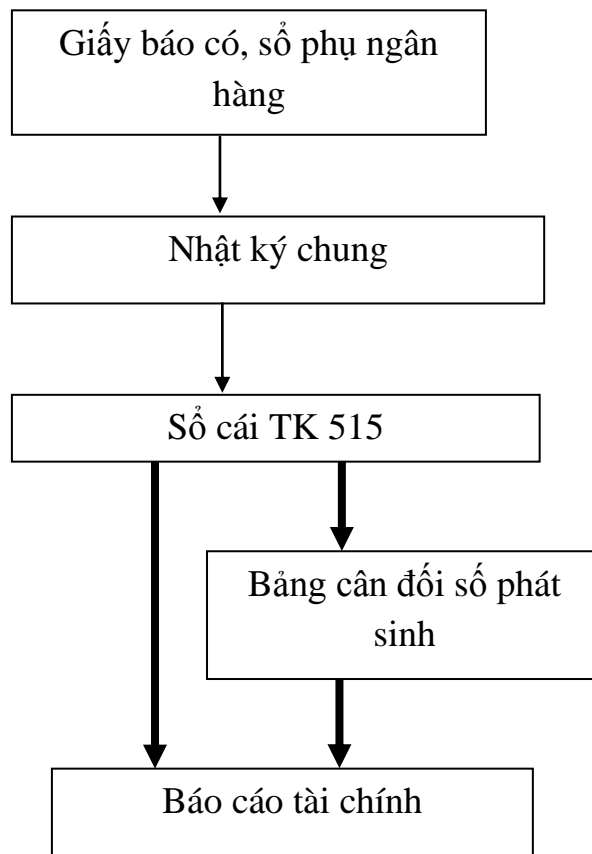
Tài khoản sử dụng :

- + TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

Chứng từ sử dụng :

- + Giấy báo có
- + Giấy báo lãi
- + Bản sao kê của ngân hàng

Sơ đồ 2.9. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng tại công ty CP FORD Hải Phòng:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi định kỳ : \longrightarrow

Ví dụ : Ngày 24/12/2010 Ngân hàng Eximbank thông báo lãi tiền gửi tháng 12/2010 là 22.508.

Biểu 2.21

NGÂN HÀNG EIB Hải Phòng

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT

Số: 123/10

Ngày: 24/12/2010

Tài khoản: 160314851002460

CTY CP FORD HẢI PHÒNG

DIỄN GIẢI

PS NỢ

PS CÓ

	Số dư đầu ngày		6.695.621
LAI	Tổng phát sinh ngày		22.508
	Dư cuối ngày		6.718.129

Chữ ký người kiểm soát

Biểu số 2.22. Trích sổ nhật ký chung năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dò g	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng				NỢ	CÓ	
.....
24/12/2010	SCT123/10	24/12/2010	Ngân hàng Exim bank thông báo lãi tiền gửi tháng 12/2010	X		112	515	22.508
.....
25/12/2010		25/12/2010	Ngân hàng BIDV thông báo lãi tiền gửi tháng 12/2010	X		112	515	26.409
25/12/2010		25/12/2010	Ngân hàng Sacombank thông báo lãi tiền gửi tháng 12/2010	X		112	515	7.635
31/12/2010		31/12/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	X		515	911	125.841.493
...
			Cộng lũy kế					30.580.148.794

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.23. Trích sổ cái TK 515 năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
...
24/12/2010	SCT123/10	24/12/2010	Ngân hàng Exim bank thông báo lãi tiền gửi tháng 12/2010			112		22.508
25/12/2010		25/12/2010	Ngân hàng BIDV thông báo lãi tiền gửi tháng 12/2010			112		26.409
31/12/2010		31/12/2010	Cuối kỳ kết chuyển doanh thu HĐTC			911	125.841.493	
			Cộng số phát sinh				125.841.493	125.841.493
			Số dư cuối kỳ					
			Cộng lũy kế từ đầu kỳ					

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.3.2. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động TC của Công ty bao gồm các khoản chi phí như lãi vay, chi phí đầu tư chứng khoán, chiết khấu thanh toán...

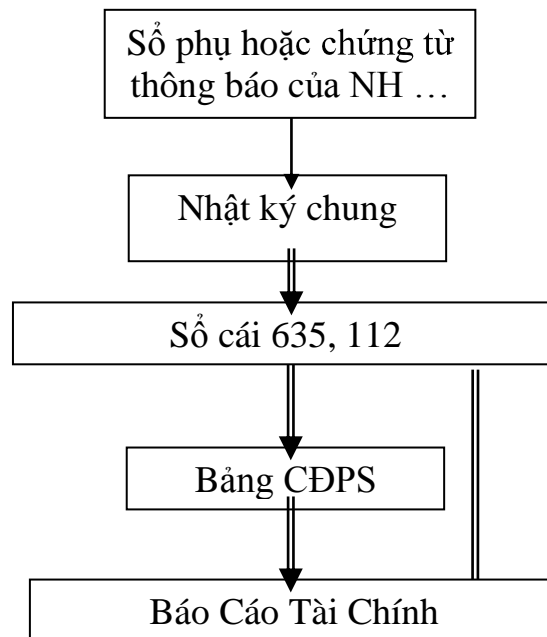
Tài khoản sử dụng:

Tài khoản để hạch toán doanh thu tài chính của công ty là TK 635

Chứng từ sử dụng:

- + Sổ phụ, giấy báo nợ
- + Nhật ký chung
- + Sổ cái 1111, 635

Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính của công ty CP Ford Hải Phòng:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng

Ví dụ: Ngày 23/12/2010 Ngân hàng Eximbank thông báo lãi phải trả tháng 12/2010 là 44.200.833

Biểu 2.24:

NGÂN HÀNG EIB HẢI PHÒNG

Mã GDV: PTATHUY

Mã KH: 10122312

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 23/12/2010

Kính gửi: Công Ty CP FORD Hải Phòng

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi **NỢ** tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tiền bằng số : **44.200.833**

Số tiền bằng chữ : Bốn mươi bốn triệu hai trăm nghìn tám trăm ba mươi ba VNĐ

Nội dung: TRẢ LÃI VAY

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

Biểu số 2.25. Trích sổ nhật ký chung năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dò g	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng				NỢ	CÓ	
.....
23/12/2010	PTATHUY10 122312	23/12/2010	Ngân hàng Eximbank thông báo lãi phải trả tháng 12/2010	X		635	112	44.200.833
.....					
31/05/2010		31/12/2010	Kết chuyển chi phí hoạt động TC	X		635	911	2.763.585.842
...
			Cộng lũy kế					30.580.148.794

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.26. Trích sổ cái TK 635 năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
...
23/12/2010	PTATHUY10122312	20/05/2010	Ngân hàng Eximbank thông báo lãi phải trả tháng 12/2010			1121	44.200.833	
.....					
31/05/2010		31/05/2010	Cuối kỳ kết chuyển chi phí HĐTC			911		2.763.585.842
...
			Cộng số phát sinh				2.763.585.842	2.763.585.842
			Số dư cuối kỳ					
			Cộng lũy kế từ đầu kỳ					

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác:

Kế toán sử dụng TK 711 để ghi nhận thu nhập khác & TK 811 để ghi nhận chi phí khác

Thu nhập khác của công ty bao gồm:

- + Tiền thu bán phế liệu.
- + Tiền hoa hồng từ việc bán BH ô tô
- +

Chi phí khác của công ty bao gồm:

- + Chi phí thanh lý phế liệu.
- + ...

Chứng từ sổ sách sử dụng:

- + Phiếu chi
- + Phiếu thu

Ví Dụ 1: Ngày 30/05/2010 công ty thu được tiền bán phế liệu với số tiền: 575.500 đ

Ví Dụ 2: Ngày 30/05/2010 công ty thanh toán tiền vận chuyển phế liệu đi bán, số tiền là 100.000đ

Căn cứ vào phiếu thu số 49 & phiếu chi số 50 kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung, rồi sau đó ghi vào sổ cái TK 711, TK 811. Cuối kỳ kế toán kết chuyển sang TK 911

Biểu số 2.27

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

PHIẾU THU

Số phiếu: 49
Tài khoản: 1111
TK đối ứng: 711

Ngày 30 tháng 05 năm 2010

Họ, tên người nộp tiền: *Bùi Văn Quyết*
Địa chỉ: Số 22 Đường Hà Nội - Quán Toan – HB - HP
Lý do nộp: *Thu tiền phí liệu*
Số tiền: 575.500 (đ)
Viết bằng chữ: *Năm trăm bảy lăm nghìn năm trăm đồng chẵn./.*
Kèm theo: **Chứng từ kế toán**

Ngày 30 tháng 05 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Năm trăm bảy lăm nghìn năm trăm đồng chẵn./.*
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.28

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

PHIẾU CHI

Số phiếu: 49
Tài khoản: 1111
TK đối ứng: 811

Ngày 30 tháng 05 năm 2010

Họ, tên người nhận tiền: *Nguyễn Thị Lê Huyền*
Địa chỉ: Bộ phận kế toán
Lý do chi : *Phí vận chuyển bán phế liệu*
Số tiền: 100.000 (đ)
Viết bằng chữ: *Một trăm nghìn đồng chẵn./.*
Kèm theo: **Chứng từ kế toán**

Ngày 30 tháng 05 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Một trăm nghìn đồng chẵn./.*
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.29. Trích sổ nhật kí chung năm 2010

CTY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03a-DN
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dò g	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng				NỢ	CÓ	
.....
30/05/2010	PT 048	30/05/2010	Thu tiền bán phế liệu	X		111	711	575.500
.....
31/05/2010	PC050	31/05/2010	Phí vận chuyển phế liệu đi bán	x		811	111	100.000
							
31/12/2010		31/12/2010	Kết chuyển thu nhập khác	X		711	911	1.263.839.860
31/12/2010		31/12/2010	Kết chuyển chi phí khác	X		911	811	101.396.174
...
			Cộng lũy kế					30.580.148.794

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.30: Trích sổ cái TK 711 năm 2010

CÔNG TY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng – Hạ Lý – Hồng Bàng HP

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
...
30/05/2010	PT049	30/05/2010	Thu tiền bán phế liệu			111		575.500
							
31/12/2010		31/12/2010	Kết chuyển thu nhập khác			911	1.263.839.860	
...
			Cộng số phát sinh				1.263.839.860	1.263.839.860
			Số dư cuối kỳ					
			Cộng lũy kế từ đầu kỳ					

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.31: Trích sổ cái TK 811 năm 2010

CÔNG TY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng – Hạ Lý – Hồng Bàng - HI

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
30/05/2010	PC050	30/05/2010	Phí vận chuyển phế liệu đi bán			111	100.000	
							
31/12/2010		31/12/2010	Kết chuyển chi phí khác			911		101.396.174
...
			Cộng số phát sinh				101.396.174	101.396.174
			Số dư cuối kỳ					
			Cộng lũy kế từ đầu kỳ					

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ.

Kế toán sử dụng TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Phương pháp hạch toán như sau:

Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là tổng số phát sinh bên Có cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 và tổng số phát sinh bên Nợ cuối năm của các TK 632, TK 642, TK 811. Tổng số phát sinh bên Có cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên Có TK 911. Sau khi bù trừ hai bên Nợ – Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau: Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ và số tiền này được kết chuyển sang bên Nợ TK 421. Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty có lãi. Kế toán căn cứ vào số tiền lãi tính ra thuế phải nộp cho Nhà nước, số còn lại (sau khi trừ đi phần thuế phải nộp) được kết chuyển sang bên Có TK 421.

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty trong một thời gian nhất định. Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện qua chỉ tiêu “Lãi” hoặc “Lỗ”. Căn cứ và chế độ tài chính hiện hành thu nhập của Công ty được phân phối như sau:

- Nộp thuế TNDN theo quy định với mức thuế suất 25%
- Bù lỗ các khoản năm trước không được trừ vào lợi nhuận sau thuế.
- Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

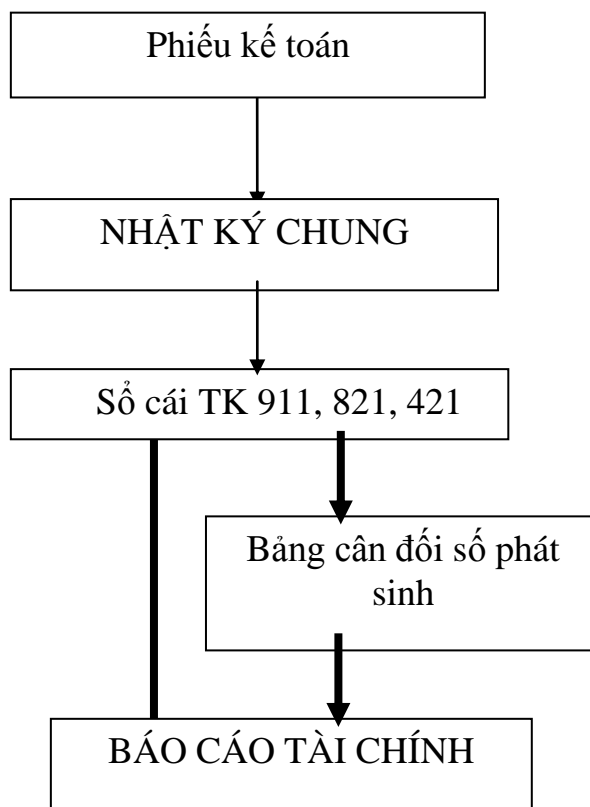
Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

Sơ đồ 2.11. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP FORD Hải Phòng.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi định kỳ : \longrightarrow

Ví dụ: Cuối tháng 12/2010, Công ty FORD Hải Phòng thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh

Tổng số phát sinh bên Có TK 911:

Kết chuyển doanh thu gồm: doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

Nợ TK 511 : 131.333.074.813

Nợ TK 515 : 125.841.493

Nợ TK 711 : 1.263.839.860

Có TK 911: 132.722.756.166

Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911:

Kết chuyển chi phí gồm: giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác.

Nợ TK 911 : 128.482.004.748

Có TK 632: 120.948.828.781

Có TK 641: 1.252.652.458

Có TK 642: 3.415.541.493

Có TK 635: 2.763.585.842

Có TK 811: 101.396.174

Kết quả tiêu thụ HH, dịch vụ = Doanh thu – Chi phí

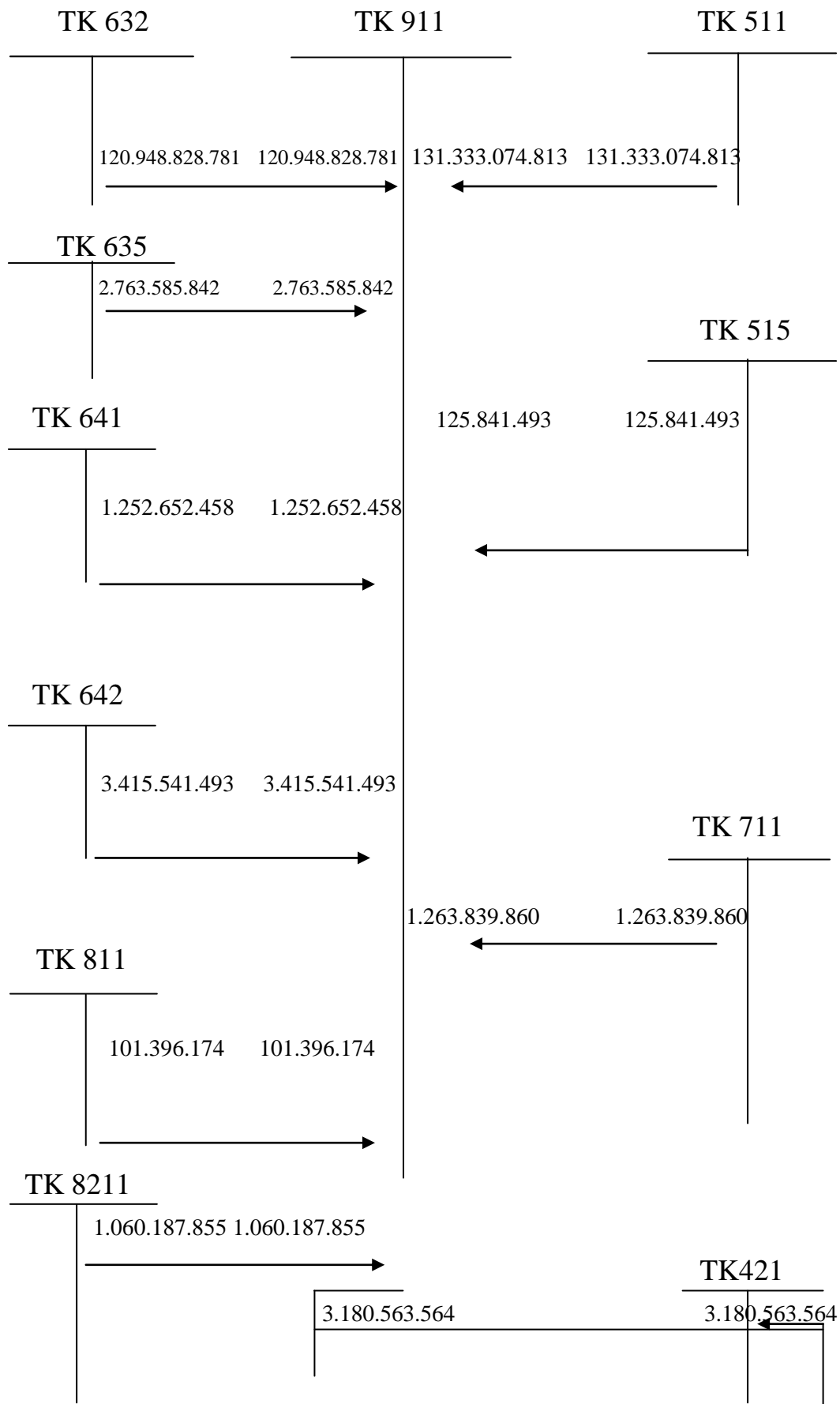
$$= 132.722.756.166 - 128.482.004.748 = 4.240.751.418$$

Thuế TNDN phải nộp của năm 2010:

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = 4.240.751.418 \times 25\% = 1.060.187.855$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = 4.240.751.418 - 1.060.187.855 = 3.180.563.564$$

Sơ đồ 2.12: Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh



Biểu số 2.31.Trích sổ nhật ký chung năm 2010

CÔNG TY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng – Hạ Lý – Hồng Bàng – HP

Mẫu số S03a-DN
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dò g	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng				NỢ	CÓ	
.....
31/12/2010	PKT02	31/12/2010	Kết chuyển giá vốn hàng bán	X		911	632	120.948.828.781
31/12/2010	PKT01	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu	X		511	911	131.333.074.813
31/12/2010	PKT01	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	X		515	911	125.841.493
31/12/2010	PKT01	31/12/2010	Kết chuyển thu nhập khác	X		711	911	1.263.839.860
31/12/2010	PKT02	31/12/2010	Kết chuyển Chi phí hoạt động tài chính	X		911	635	2.763.585.842
31/12/2010	PKT02	31/12/2010	Kết chuyển chi phí QLDN	X		911	642	3.415.541.493
31/12/2010	PKT02	31/12/2010	Kết chuyển chi phí Bán hàng	X		911	641	1.252.652.458
31/12/2010	PKT02	31/12/2010	Kết chuyển chi phí khác	X		911	811	101.396.174
31/12/2010		31/12/2010	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	X		911	8211	1.060.187.855
31/12/2010	PKT03	31/12/2010	Kết chuyển lãi	X		911	421	3.180.563.564
...
Cộng lũy kế								394.567.236.468

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.32. Trích sổ cái TK911 năm 2010

CÔNG TY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng – Hạ Lý – Hồng Bàng - HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...
31/12/2010	PKT02	31/12/2010	Kết chuyển giá vốn hàng	632	120.948.828.781	
31/12/2010	PKT01	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu	511		131.333.074.813
31/12/2010	PKT01	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	515		125.841.493
31/12/2010	PKT01	31/12/2010	Kết chuyển thu nhập khác	711		1.263.839.860
31/12/2010	PKT02	31/12/2010	Kết chuyển chi phí tài chính	635	2.763.585.842	
31/12/2010	PKT02	31/12/2010	Kết chuyển CP QLDN	642	3.415.541.493	
31/12/2010	PKT02	31/12/2010	Kết chuyển CP Bán Hàng	641	1.252.652.458	
31/12/2010	PKT02	31/12/2010	Kết chuyển CP khác	811	101.396.174	
31/12/2010		31/12/2010	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	8211	1.060.187.855	
31/12/2010	PKT03	31/12/2010	Kết chuyển lãi	421	3.180.563.564	
			Cộng số phát sinh		132.722.756.166	132.722.756.166
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.33.Trích sổ cái TK421 năm 2010

CÔNG TY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng – Hạ Lý – Hồng Bàng – HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ			3.548.555.348
			Số phát sinh			
.....
31/12/2010	PKT03	31/12/2010	Kết chuyển lãi năm 2010	911		3.180.563.564
.....
			Cộng số phát sinh		7.100.120	3.180.563.564
			Số dư cuối kỳ			6.722.018.792
			Cộng lũy kế từ đầu kỳ			

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG III:**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN DOANH THU,
CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG
TY CỔ PHẦN FORD HẢI PHÒNG****3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP FORD Hải Phòng.*****3.1.1. Ưu điểm:***

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của công ty CP Ford Hải Phòng. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả và khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho Ngân sách Nhà Nước đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn. Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng.....Cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về kế hoạch kinh doanh đúng đắn và hiệu quả.

Công ty Ford Hải Phòng là một doanh nghiệp trẻ, trong quá trình phát triển lãnh đạo công ty đã tự đi tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng để đa dạng dịch vụ, mở rộng thị trường trên khắp cả nước. Để có được kết quả như hiện nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý rất khoa học và chặt chẽ, lựa chọn cán bộ có nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao.

Về tổ chức bộ máy kế toán: Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh. Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đôn đốc thu hồi công nợ và cho biết các nguồn tài chính hiện tại của công ty phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của công ty rất nhiều vì vậy việc lập báo cáo tài chính một cách khoa học chặt chẽ mang một ý nghĩa rất lớn. Với đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ, đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ chuyên môn cao am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản báo cáo tài chính phù hợp.

Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán, mở tài khoản cấp 2 của các tài khoản để phục vụ thông tin một cách chính xác và nhanh nhất.

Về tổ chức bộ sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “ Nhật ký chung” , các chứng từ gốc, các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc kiểm soát công ty đảm bảo yêu cầu dễ tìm dễ thấy.

Về khâu tổ chức hạch toán ban đầu: Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến quá trình cung cấp dịch vụ, Công ty thực hiện theo chế độ kế toán do Nhà nước quy định. Đồng thời trình tự luân chuyển chứng từ để ghi sổ kế toán của công ty cũng khoa học hợp lý, giúp cho việc hạch toán được sắp xếp, phân loại bảo quản theo đúng chế độ đã lưu trữ chứng từ tài liệu kế toán.

Việc hạch toán quá trình bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh: Việc hạch toán doanh thu về cơ bản là đúng theo nguyên tắc, chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ với phương pháp tính giá vốn đó. Việc hạch toán kê khai thuế GTGT được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty luôn thực hiện tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ tất cả các mẫu kê khai thuế GTGT do Nhà nước quy định.

3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện sau:

Về việc luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Việc tập hợp chi phí về vật tư và một số chi phí phát sinh của công ty chưa kịp thời, chưa nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm đúng thời hạn quy định. Hơn nữa việc tập hợp luân chuyển chứng từ do chưa có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ của các bộ phận, các xưởng sửa chữa nên tình trạng nộp chứng từ bị chậm trễ trong quá trình đưa đến phòng tài vụ để xử lý dẫn đến kỳ sau mới xử lý được dẫn đến tình trạng quá tải công việc khi chứng từ cùng về một lúc.

Về hệ thống sổ kế toán:

Kế toán sử dụng sổ nhật ký chung theo mẫu S03a-DN Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Tuy nhiên, mẫu sổ mà kế toán hiện nay đang sử dụng không chính xác, kế toán chỉ sử dụng một cột số tiền phát sinh và phản ánh đồng thời số hiệu tài khoản nợ và có trên cùng một dòng. Như vậy kế toán sẽ khó phát hiện ra lỗi sai trong quá trình định khoản khi tổng số tiền phát sinh bên nợ và bên có không bằng nhau. Sổ nhật ký chung phản ánh tính chính xác về mặt số liệu khi kế toán định khoản và là cơ sở để ghi sổ cái nên kế toán cần phải thay đổi lại mẫu sổ theo đúng quy định.

Về việc tính lương và các khoản trích theo lương cho công nhân viên của công ty: Công ty tiến hành tính và hạch toán các khoản trích theo lương cho công nhân viên của công ty sau 6 tháng làm việc mặc dù công ty đã ký hợp đồng lao động trên 12 tháng. Như vậy công ty đã làm sai quy định về việc tính lương và các khoản trích theo lương. Công ty chưa áp dụng thanh toán lương qua thẻ ATM nên dẫn đến tình trạng không phát lương kịp cho công nhân, hay không tạm ứng thêm kịp cho công nhân viên chức đi công tác xa.

3.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Ford Hải Phòng,

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ dịch vụ, sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ dịch vụ, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành dịch vụ, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lý đúng và chính xác về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.3. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Ford Hải Phòng:

Sự chuyển đổi nền kinh tế đất nước từ thời bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước là một yếu tố khách quan trong điều kiện môi trường mới cùng với sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật đang từng giờ làm thay đổi thế giới, mở rộng và hội nhập nền kinh tế thị trường là một yêu cầu cần thiết. Để đáp ứng và tồn tại trên thị trường đòi hỏi mỗi cá nhân mỗi doanh nghiệp không thể hài lòng với những gì đạt được, muốn chiếm lĩnh được thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và công ty CP Ford Hải Phòng nói riêng phải cạnh tranh gay gắt, mặt khác phải luôn năng động, nhanh nhạy nắm bắt được xu thế của thị trường, không ngừng mở rộng quan hệ với đối tác và hợp tác cùng phát triển. Đổi mới công nghệ, kinh nghiệm, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

Muốn làm được các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất, trong các công cụ quản lý đó kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực nhất thông qua việc thu thập, ghi chép, xử lý, tính toán, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán. Chứng từ, tài khoản, tính toán, tổng hợp, cân đối để có thể cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản, sự biến động của tài sản giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn, kịp thời trong từng thời kỳ. Vì vậy doanh nghiệp phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán cho phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay.

Hoàn thiện công tác kế toán thì hệ thống chứng từ ban đầu sẽ nâng cao được tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh. Việc hoàn thiện góp phần sử dụng đúng tài khoản để phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán, đồng thời giúp cho các bạn hàng, ngân hàng, những người quan tâm đến tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp biết.

Số liệu kế toán phải chính xác tuyệt đối và dễ hiểu đảm bảo sự minh bạch, công khai, thể hiện sự tiết kiệm nhưng có hiệu quả.

3.4. Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Ford Hải Phòng:

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.
- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.5. Các biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Ford Hải Phòng

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

3.5.1. Kiến nghị 1: Về việc luân chuyển chứng từ

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận tại công ty chậm trễ gây rất nhiều khó khăn, dồn ứ công việc sang tháng sau làm ảnh

hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc. Vì vậy, công ty cần có những biện pháp quy định về định ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để có thể tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ kịp thời. Chẳng hạn có thể quy định đến ngày nhất định, các phòng ban, các xưởng....phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất.

3.5.2. Kiến nghị 2: Về hệ thống sổ kế toán:

Công ty nên sửa lại mẫu sổ nhật ký chung (Mẫu S03a-DN) theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Lấy Ví dụ: Ngày 24/12/2010, Thanh toán tiền in card “ Tổng Giám Đốc “ cho Đinh Thị Ngân cho Công ty TNHH in Thanh Hương số tiền 120.000 (chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Từ Hóa đơn GTGT số 0066242, kế toán viết phiếu chi số 66 đồng thời phản ánh vào sổ nhật ký chung được thể hiện ở sổ cái TK 642. Cuối kỳ kết chuyển sang TK 911. Kế toán nên ghi sổ Nhật ký chung như sau:

CÔNG TY CP FORD HẢI PHÒNG
Số 4 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số thứ tự dòng	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...
28/12/2010	PC66	28/12/2010	Thanh toán tiền in Card Tổng Giám đốc	x		642	120.000	
						133	12.000	
						111		132.000
...
31/12/2010		31/12/2010	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	x		911	3.415.541.493	
						632		3.415.541.493
...
			Cộng lũy kế				30.580.148.794	30.580.148.794

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

3.5.3. Kiến nghị 3 Về hệ thống tài khoản của Công ty: Công ty phân bổ chi phí bán hàng và chi phí Quản lý Doanh nghiệp chưa được hợp lý. Chưa thể hiện được bản chất của chi phí.

Ví dụ: Ngày 28/12 : Phát lương cho công nhân viên. Bộ phận quản lý là 45.000.000đ. Bộ phận bán hàng là 150.000.000đ. Vì chi phí tiền lương cán bộ công nhân viên công ty phân bổ vào TK 6421- Tiền lương nhân viên :

Nợ TK642 : 195.000.000

Có TK334 : 195.000.000

Công ty nên hạch toán :

Nợ TK 642: 45.000.000

Nợ TK 641: 150.000.000

Có TK 334: 195.000.000

3.5.4. Tính lương và các khoản trích theo lương:

Việc Công ty tiến hành tính và hạch toán các khoản trích theo lương cho công nhân viên ký hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên bị chậm 6 tháng là vi phạm chế độ. Đồng thời, điều đó không hợp lý vì nó gây ra biến động về chi phí cho doanh nghiệp. Việc không trích các khoản trích theo lương sẽ làm giảm chi phí của danh nghiệp, dẫn đến số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ tăng lên.

Công ty tính lương cho bộ phận bán hàng theo hợp đồng. Doanh nghiệp sử dụng hệ số lương theo quy định riêng của công ty.

Phương pháp hạch toán như sau:

- Tính lương:

Nợ TK 641: Chí phí bán hàng

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 334: Lương phải trả CNV

- Các khoản trích theo lương:

+ Trừ vào lương của cán bộ nhân viên:

Nợ TK 334: Phải trả CNV

Có TK 338: Phải trả, phải nộp khác (Trừ 8.5% lương), chi tiết: Bảo hiểm xã hội(6%), Bảo hiểm y tế(1.5%), Bảo hiểm thất nghiệp (1%)

+ Tính vào chi phí:

Nợ TK 642: Chi phí bán hàng

Có TK 338: Phải trả, phải nộp khác (Trừ 22% vào chi phí), chi tiết: Kinh phí Công đoàn: 2%, Bảo hiểm xã hội: 16%, Bảo hiểm y tế: 3%, Bảo hiểm thất nghiệp (1%)

Doanh nghiệp trích lương trên nguyên tắc sau: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp trích trên lương cơ bản. Kinh phí công đoàn trích trên lương thực tế.

Công thức:

$$\text{Lương cơ bản (24 ngày theo QĐ)} = 1.038.000đ (\text{QĐ của cty}) \times \frac{\text{Hệ số lương}}{\text{ngày}}$$

$$\text{Lương cơ bản theo ngày công thực tế} = \frac{\text{Lương cơ bản}}{24 \text{ ngày}} \times \text{Ngày công thực tế}$$

$$\text{Tổng lương} = \text{Lương cơ bản theo ngày công thực tế} + \text{Các khoản phụ cấp}$$

Trình tự hạch toán:

- **Tính lương cho bộ phận quản lý**

Nợ TK 642

Có TK 334

- Trích các khoản trích theo lương

Nợ TK 642 (22% chi phí)

Nợ TK 334 (8.5% lương)

Có TK 338

- DN nên áp dụng chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho cán bộ công nhân viên, cụ thể với bộ phận bán hàng, doanh nghiệp định khoản như sau:

Nợ TK 642

Nợ TK 334

Có TK 338

- **Tính lương cho bộ phận bán hàng**

Nợ TK 641

Có TK 334

- Trích các khoản trích theo lương

Nợ TK 641 (22% chi phí)

Nợ TK 334 (8.5% lương)

Có TK 338

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại công ty CP Ford Hải Phòng cùng với những lý luận đã được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình thực tập tại công ty được sự quan tâm giúp đỡ của ban lãnh đạo, đặc biệt là các cô chú, các anh chị cán bộ công nhân viên phòng kế toán đã giúp em học hỏi được rất nhiều về thực hành kế toán. Cùng với các thầy, các cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Nội dung của đề tài khóa luận này rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy, các cô.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến giảng viên Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy cô giáo trong khoa, các cán bộ công nhân viên trong công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại công ty.

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Sinh viên

Dương Thị Như Ngọc